

# SƠ LƯỢC VỀ NGÀNH ĐỘNG VẬT GIÁP XÁC HS.0306

## B. Các thị trường chính

Năm 2022, Trung Quốc là nước nhập khẩu các mặt hàng thuộc nhóm HS.0306 lớn nhất của Việt Nam. Trung Quốc đặc biệt nhập khẩu Tôm hùm đá và các loại tôm khác (HS.030631 với trị giá 346,517 triệu USD, tăng 355% trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 100% trong tổng xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam); tiếp theo là Tôm shrimp và tôm prawn đông lạnh (HS.030617 với trị giá 250,965 triệu USD, tăng 15% trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 11% trong tổng xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam); Cua, đã hoặc chưa bóc vỏ, sống, tươi hoặc ướp lạnh (HS.030633 với trị giá 75,397 triệu USD, tăng 109% trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 93% trong tổng xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam); Tôm shrimp và tôm prawn, có vỏ hoặc không có vỏ, được sấy khô, muối, hun khói hoặc ngâm nước muối (HS.030695 đạt 6,228 triệu USD, chiếm 29% trong tổng xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam).

Kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng HS.0306 của Việt Nam sang Trung Quốc tăng 33% về giá trị và tăng 28% về số lượng hàng năm trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 24,5% trong tổng xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng HS.0306 của Việt Nam sang Nhật Bản, thị trường lớn thứ hai của Việt Nam về nhóm hàng này, lại giảm -2% về giá trị và giảm -3% về số lượng hàng năm giai đoạn 2018-2022, chiếm 12,3% trong tổng xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng HS.0306 của Việt Nam sang Hoa Kỳ, thị trường lớn thứ ba của Việt Nam về nhóm hàng này tăng 17% về giá trị và tăng 13% về số lượng hàng năm giai đoạn 2018-2022, chiếm 12,2% trong tổng xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam.

**Bảng 1 - Các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, 2022** (Nguồn: Trademap.org, 2022)

Quốc gia	Nhập khẩu từ Việt Nam			Tổng nhập khẩu			Các sản phẩm chính, (% nhập khẩu từ Việt Nam)
	Giá trị (Triệu USD)	Số lượng (Tấn)	Tăng trưởng % (‘18-‘22)	Giá trị (Triệu USD)	Số lượng (Tấn)	Tăng trưởng % (‘18-‘22)	

1.Trung Quốc	680,824	54.851	33	9.566,805	1.094.412	17	HS.030631 (100%); HS.030617 (11%); HS.030633 (93%); HS.030695 (29%); HS.030611 (58%)
2.Nhật Bản	343,654	27.904	-2	2.292,823	183.395	-1	HS.030617 (15%); HS.030695 (16%); HS.030614 (3%); HS.030633 (0%); HS.030616 (1%)
3.Hoa Kỳ	338,513	24.433	17	9.541,580	752.504	9	HS.030617 (14%); HS.030614 (38%); HS.030633 (2%); HS.030619 (12%); HS.030612 (16%)
4.Hàn Quốc	298,413	39.477	4	1.353,827	132.058	4	HS.030617 (13%); HS.030695 (32%); HS.030614 (12%); HS.030619 (2%); HS.030693 (11%)
5.Úc	199,578	17.281	43	311,600	26.515	5	HS.030617 (9%); HS.030616 (7%); HS.030614 (4%); HS.030612 (23%); HS.030695 (1%)
6.Đức	116,568	10.344	14	552,848	50.105	5	HS.030617 (5%); HS.030616 (7%); HS.030614 (6%); HS.030612 (6%)
7.Canada	108,343	8.343	4	839,767	77.338	3	HS.030617 (5%); HS.030614 (4%); HS.030619 (7%); HS.030693 (10%)
8.Bỉ	98,304	9.396	10	696,720	63.400	6	HS.030617 (4%)
9.UK	96,803	8.551	-3	512,743	47,539	-1	HS.030617 (4%); HS.030615 (96%); HS.030614 (3%); HS.030616 (1%); HS.030619 (3%)
10.HongKong (Trung Quốc)	74,921	8.898	-7	638,266	54.347	-1	HS.030617 (3%); HS.030636 (79%); HS.030633 (1%); HS.030614 (7%); HS.030616 (1%)

### C. Những đối thủ cạnh tranh chính

Năm 2012, Ecuador là nước xuất khẩu nhóm hàng HS.0306 lớn nhất thế giới. Ecuador đã xuất khẩu với trị giá 8.009,704 triệu USD, tăng 24% về giá trị và tăng 21% về khối lượng hàng năm trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 21,8% thị phần thế giới. Đặc biệt, mặt hàng tôm shrimp và tôm prawn đông lạnh, thậm chí hun khói, dù có vỏ hay không với mã HS.030617 đạt mức tăng trưởng cao 26% về giá trị và tăng 23% về khối lượng,

chiếm 34,3% thị phần xuất khẩu của mặt hàng này ra thế giới, chúng là một trong những mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất của Ecuador. Đứng thứ hai là Ấn Độ với giá trị xuất khẩu 4.907,522 triệu USD, tăng 3% về giá trị và tăng 2% về khối lượng hàng năm trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 13,4% thị phần thế giới. Mặt hàng tôm shrimp và tôm prawn đông lạnh, hun khói, có vỏ hay không với mã HS.030617 là mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất của Ấn Độ với trị giá xuất khẩu 4.797,469 triệu USD với mức tăng trưởng về giá trị 3% và tăng 2% về khối lượng, chiếm 21,2% thị phần xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới. Đứng thứ ba là Canada với trị giá xuất khẩu 3.607,368 triệu USD, tăng trưởng ở mức 8% về giá trị và tăng 2% về khối lượng hàng năm trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 9,8% thị phần thế giới. Mặt hàng cua đông lạnh, hấp chín, dù có vỏ hay không với mã HS.030614 là mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất của Canada với trị giá xuất khẩu 1.364,484 triệu USD với mức tăng về giá trị 15% và tăng 6% về khối lượng, chiếm 35% thị phần xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới. Riêng mặt hàng tôm mã HS.030617 của Canada với trị giá xuất khẩu 18,665 triệu USD, giảm 10% về giá trị và giảm 11% về khối lượng hàng năm trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 43% thị phần xuất khẩu mặt hàng này ra thế giới. Đứng thứ tư là Việt Nam, Nga, Indonesia, Hoa Kỳ, Argentina và Thái Lan cũng là những đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam. Năm 2022, Việt Nam đã xuất khẩu đạt 2.784,014 triệu USD với mức tăng trưởng 9% về giá trị và tăng 6% về khối lượng hàng năm trong giai đoạn 2018-2022, chiếm 7,6% thị phần thế giới.

**Bảng 2 - Các đối thủ cạnh tranh chính, 2022**

Quốc gia	Xuất khẩu			Các sản phẩm chính (tối đa 5), % giá trị xuất khẩu ra thế giới của quốc gia (2018-2022)
	Giá trị (Triệu USD)	Số lượng (Tấn)	Tăng trưởng % (2018-2022)	
1.Ecuador	8.009,704	1.169.652	24	030617 (34,3%); 030616 (11,7%); 030636 (1,7%); 030611 (0,2%)
2. Ấn Độ	4.907,522	645.222	3	030617 (21,2%); 030633 (2%); 030611 (3,5%); 030619 (17%); 030636 (3,6%)
3. Canada	3.607,368	211.310	8	030614 (35%); 030632 (58%); 030612 (80,1%); 030616 (14,9%); 030633 (6,9%)
4.Việt Nam	2.784,014	251.359	9	030617 (10,1%); 030631 (34,2%); 030633 (3,8%); 030695 (7,9%); 030616 (0,8%)
5.Nga	2.700,033	77.431	14	030614 (35,5%); 030633 (54%); 030616 (9,3%); 030619 (0,4%)

6.Indonesia	1.650,897	187.722	3	030617 (6,4%); 030633 (3,6%); 030636 (10,3%); 030614 (0,9%); 030631 (2%)
7.Hoa Kỳ	924,774	60.035	-1	030632 (29,4%); 030614 (2,4%); 030633 (4%); 030612 (6%); 030611 (7,7%)
8.Argentina	903,508	128.825	-6	030617 (3,9%); 030614 (0,3%)
9.Thái Lan	833,111	91.229	-6	030617 (2,9%); 030636 (17,5%); 030695 (13,2%); 030633 (1,1%); 030614 (0,4%)
10.Trung Quốc	830,535	88.211	-8	030617 (1,5%); 030614 (5%); 030636 (22,6%); 030616 (4,4%); 030633 (3,2%)

Nguồn: Trademap.org (2022)

## **D. Các xu hướng phát triển thị trường**

### **1. Xu hướng về kinh tế**

Nền kinh tế toàn cầu đang tiến gần hơn đến những cơ hội phục hồi trong năm 2023, song các quốc gia cũng có nguy cơ đối mặt với hàng loạt rủi ro từ động thái tăng lãi suất và Trung Quốc mở cửa trở lại.

Sau một năm đầy biến động, nền kinh tế toàn cầu sẽ bước sang năm 2023 trong cơn dư chấn của hàng loạt khủng hoảng. Cuộc xung đột Nga - Ukraine tiếp tục khuấy đảo thị trường năng lượng và thực phẩm, trong khi lãi suất tăng có nguy cơ bóp nghẹt quá trình phục hồi còn mong manh sau đại dịch.

Song về mặt tích cực, động thái mở cửa sau 3 năm thực hiện các biện pháp kiểm soát đại dịch nghiêm ngặt ở Trung Quốc sẽ mang lại niềm tin cho quá trình phục hồi toàn cầu. Dự báo 5 xu hướng kinh tế nổi bật trong năm 2023:

#### **Lạm phát và lãi suất vẫn ở mức cao**

Lạm phát toàn cầu dự kiến giảm vào năm 2023 nhưng vẫn duy trì ở mức cao.

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự đoán lạm phát toàn cầu sẽ đạt 6,5% vào năm 2023, giảm từ mức 8,8% vào năm 2022. Lạm phát ở các nền kinh tế đang phát triển sẽ thấp hơn, dự kiến chỉ ở mức 8,1% vào năm 2023.

Năng lượng và nguyên liệu thô sẽ vẫn đắt đỏ trong một thời gian. Quá trình toàn cầu hóa bị đảo ngược một phần sẽ khiến hàng nhập khẩu đắt đỏ hơn, tình trạng thiếu lao động ở nhiều nước phương Tây cũng đẩy chi phí sản xuất tăng cao và các biện pháp

chuyển đổi xanh cũng sẽ khiến lạm phát cao hơn mức thế giới từng trải qua trong suốt những năm 2010.

### **Tăng trưởng chậm và nguy cơ suy thoái**

Năm 2023, tốc độ tăng trưởng kinh tế chắc chắn sẽ chậm lại và lãi suất sẽ tăng lên.

IMF ước tính rằng nền kinh tế toàn cầu sẽ chỉ tăng trưởng 2,7% vào năm 2023, giảm từ mức 3,2% vào năm 2022. Trong khi đó, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đã dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp hơn, ở mức 2,2% trong năm 2023, so với mức 3,1% vào năm 2022.

Nhiều nhà kinh tế bi quan hơn và tin rằng suy thoái kinh tế toàn cầu có thể xảy ra vào năm 2023, chỉ ba năm sau cuộc suy thoái do đại dịch Covid-19 gây ra.

### **Cơ hội hồi phục khi Trung Quốc tái mở cửa**

Sau gần 3 năm phong tỏa, xét nghiệm hàng loạt và đóng cửa biên giới, Trung Quốc đã bắt đầu dỡ bỏ chính sách “Zero Covid” nghiêm ngặt. Động thái tái mở cửa của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới sẽ tạo động lực mới cho quá trình phục hồi toàn cầu.

Quá trình phục hồi nhu cầu của người tiêu dùng Trung Quốc sẽ tạo động lực cho các nhà xuất khẩu lớn - như Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Singapore. Bên cạnh đó, động thái gỡ bỏ các hạn chế phòng dịch cũng được coi là cơ hội phát triển cho các thương hiệu toàn cầu - từ Apple đến Tesla - vốn đang bị gián đoạn hoạt động do chiến lược “Zero Covid”.

### **Làn sóng phá sản tăng**

Bất chấp nền kinh tế bị tàn phá do Covid-19, các vụ phá sản trên thực tế đã giảm ở nhiều quốc gia vào năm 2020 và 2021 nhờ các thỏa thuận bên ngoài với các chủ nợ và gói kích thích lớn của các chính phủ.

Chẳng hạn, tại Mỹ, 16.140 doanh nghiệp đã nộp đơn xin phá sản vào năm 2021 và 22.391 doanh nghiệp đã có động thái tương tự vào năm 2020. Năm 2019, con số này ở mức 22.910. Xu hướng này dự kiến sẽ đảo ngược vào năm 2023 trong bối cảnh giá năng lượng và lãi suất tăng cao.

Công ty bảo hiểm Allianz Trade ước tính tỷ lệ phá sản trên toàn cầu sẽ tăng hơn 10% vào năm 2022 và 19% vào năm 2023, vượt mức trước đại dịch.

## Toàn cầu hoá "chết dần"

Sau khi bùng nổ dưới thời chính quyền cựu Tổng thống Donald Trump, cuộc chiến thương mại và công nghệ Mỹ - Trung đang ngày càng sâu sắc dưới thời Tổng thống Mỹ Joe Biden.

Hồi tháng 8, ông Biden đã ký Đạo luật Khoa học và Chip nhằm ngăn chặn xuất khẩu chip và các thiết bị sản xuất tiên tiến sang Trung Quốc. Động thái này nhằm kìm hãm ngành bán dẫn Trung Quốc và thúc đẩy khả năng tự cung tự cấp trong lĩnh vực sản xuất chip.

Bước đi là minh chứng mới nhất về xu hướng chuyển từ tự do thương mại và tự do hóa kinh tế sang chủ nghĩa bảo hộ và khả năng tự cung tự cấp, đặc biệt là trong các ngành quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

IMF chỉ ra sáu nhân tố rủi ro chính có thể làm giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu như sau:

Thứ nhất, quá trình phục hồi kinh tế của Trung Quốc có thể bị đình trệ. Trong bối cảnh mức độ miễn dịch cộng đồng vẫn còn thấp và năng lực bệnh viện không đủ, đặc biệt khu vực ngoại ô các đô thị lớn, những hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe có thể cản trở quá trình phục hồi. Khủng hoảng sâu sắc của thị trường bất động sản ở Trung Quốc với rủi ro vỡ nợ cao của các nhà phát triển bất động sản có thể dẫn đến bất ổn trong khu vực tài chính.

Thứ hai, leo thang xung đột ở Ukraine. Cuộc xung đột tại Ukraine vẫn là nguyên nhân gây ảnh hưởng tiêu cực với châu Âu và các nước có thu nhập thấp. Mặc dù giá năng lượng đã giảm nhưng nhu cầu năng lượng của Trung Quốc tăng khiến giá có thể tăng đột biến. Giá lương thực có thể tăng do việc gia hạn sáng kiến ngũ cốc ở Biển Đen gặp nhiều khó khăn. Điều này gây thêm áp lực cho các quốc gia có thu nhập thấp đang gặp phải tình trạng mất an ninh lương thực và có ngân sách hạn chế để bù đắp tác động tăng giá lên các hộ gia đình và doanh nghiệp. Thêm vào đó, khi giá lương thực và nhiên liệu tăng cao, tình trạng bất ổn xã hội có thể gia tăng.

Thứ ba, khó khăn về nợ. Kể từ tháng 10/2022, chênh lệch nợ công ở các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi đã giảm nhẹ do các điều kiện tài chính toàn cầu được nới lỏng và đồng USD mất giá. Ước tính khoảng 15% các quốc gia có thu nhập

thấp đang lâm vào tình trạng khó khăn về nợ và khoảng 25% các nền kinh tế mới nổi đối mặt với nguy cơ nợ cao. Sự kết hợp giữa mức nợ cao do đại dịch, tăng trưởng thấp hơn và chi phí đi vay cao hơn đã khiến tình trạng dễ bị tổn thương của các nền kinh tế này trở nên trầm trọng hơn, đặc biệt là những nền kinh tế có nhu cầu trả nợ bằng đồng USD trong ngắn hạn.

Thứ tư, lạm phát kéo dài. Tình trạng thắt chặt thị trường lao động kéo dài có thể khiến tăng trưởng tiền lương mạnh hơn dự kiến. Giá dầu, khí đốt và lương thực cao hơn dự kiến do tác động từ cuộc xung đột ở Ukraine hoặc do phục hồi tăng trưởng kinh tế Trung Quốc nhanh hơn có thể làm tăng lạm phát chung và chuyển dần vào tăng lạm phát cơ bản. Những diễn biến như vậy có thể phá vỡ kỳ vọng lạm phát và đòi hỏi cần thắt chặt chính sách tiền tệ hơn nữa.

Thứ năm, định giá lại thị trường tài chính đột ngột. Việc sớm nới lỏng các điều kiện tài chính để ứng phó với dữ liệu lạm phát thấp hơn có thể làm phức tạp thêm các chính sách chống lạm phát và buộc phải thắt chặt tiền tệ hơn. Đồng thời, việc công bố dữ liệu lạm phát không thuận có thể gây ra việc định giá lại tài sản đột ngột, làm tăng biến động trên thị trường tài chính và ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản cũng như hoạt động của các thị trường lớn.

Thứ sáu, sự phân mảnh địa chính trị. Cuộc xung đột ở Ukraine và các biện pháp trừng phạt quốc tế đang chia rẽ nền kinh tế thế giới thành các khối và làm gia tăng căng thẳng địa chính trị. Sự phân mảnh gia tăng dẫn đến việc lưu chuyển nguồn vốn, di chuyển của người lao động và thanh toán quốc tế giữa các quốc gia gặp nhiều khó khăn, có thể cản trở hợp tác đa phương trong cung cấp hàng hóa toàn cầu.

Nhiều chuyên gia kinh tế dự báo, kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn không mấy sáng sủa, người tiêu dùng chưa thể chi tiêu rộng rãi.

Những biến động kinh tế trong những năm qua đã làm ảnh hưởng đến sức mua thủy sản của người tiêu dùng và sức nhập khẩu của các nước trên thế giới.

Nhìn vào các thông số về giá trị xuất khẩu thủy sản từng tháng từ đầu năm tới nay, cho thấy đang có sự hồi phục, tháng sau cao hơn so với tháng trước. Tuy nhiên, lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thủy sản chỉ đạt gần 4,2 tỷ USD, thấp hơn 27% so với cùng kỳ năm 2022...

Nhìn chung các thị trường nhập khẩu chính của thủy sản như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản... bị chi phối bởi 2 yếu tố chính: lạm phát và tồn kho. Lượng tồn kho đang được giải tỏa dần ở các thị trường, nhu cầu dự báo sẽ tăng trở lại trong nửa cuối năm. Tuy nhiên, lạm phát tại nhiều thị trường chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, đó sẽ là "cái phanh" kìm hãm sự hồi phục nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu thủy sản tại Mỹ, EU...

## **2. Biến đổi khí hậu và xu hướng lựa chọn thủy hải sản bền vững**

Khủng hoảng sức khỏe ảnh hưởng sâu sắc đến nhu cầu và thói quen mua sắm của mọi người. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường nặng nề dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng như suy thoái đa dạng sinh học, suy thoái tài nguyên nước, ảnh hưởng môi trường sống của các loài thủy hải sản hay sản xuất nông nghiệp... tác động không nhỏ đến nguồn cung thực phẩm hàng ngày của con người. Không chỉ có vậy, tác động môi trường còn ảnh hưởng cả đến giá cả hàng hóa. Chẳng hạn, các cơn bão ở Đại Tây Dương có thể gây gián đoạn cho các chuỗi cung ứng ở các lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng hoặc ảnh hưởng đến cả lĩnh vực bảo hiểm khi tình trạng tắc nghẽn tại các cảng xuất, nhập khẩu hay trung chuyển hàng kéo dài. Các tác động thời tiết khác đến vận tải đường bộ và vận tải mặt đất cũng có thể ảnh hưởng đến giá nhiên liệu. Vì vậy, người tiêu dùng quan tâm hơn về môi trường với tư duy khôi phục hệ sinh thái vừa góp phần giảm giá hàng hóa vừa làm cho mọi người sống khỏe hơn, sống lâu hơn, và ngày càng khát khe hơn trong việc lựa chọn thực phẩm cũng như thủy hải sản. Thực phẩm hữu cơ, sản xuất theo quy trình xanh sạch và thực phẩm chức năng (ít đạm, ít béo, nhiều chất xơ và chất chống oxy hoá, giảm mệt mỏi, căng thẳng) là sự lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng. Thủy hải sản hữu cơ và bền vững là xu hướng lựa chọn của người tiêu dùng ở hiện tại và dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh trong thời gian tới.

Những năm gần đây, trong bối cảnh ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên nghiêm trọng, biến đổi khí hậu được xem là một vấn đề cấp bách toàn cầu, lối sống xanh được nhiều người quan tâm và dần trở thành xu thế của thời đại. Sự thay đổi của người sử dụng sang hướng tiêu dùng xanh khiến các nhà sản xuất cũng phải “chuyển mình” để phù hợp với nhu cầu và thị hiếu mới. Nhiều quốc gia đang thúc đẩy phục hồi tăng trưởng kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh hay “phục hồi xanh”.

Xu hướng sống xanh, tiêu dùng xanh, tiêu dùng có trách nhiệm đang trở thành xu hướng ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt phổ biến tại các nước phát triển và đang



lan tỏa mạnh mẽ sang các nước đang phát triển có thu nhập ở mức trung bình trở lên. Đây được coi là bước triển khai thực tiễn và quan trọng của khái niệm tiêu dùng bền vững, nhằm giảm tác động của xã hội đối với môi trường.

Tiêu dùng xanh là mua và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây hại cho sức khỏe của con người và không đe dọa đến hệ sinh thái tự nhiên. Nó xuất phát từ mong muốn bảo vệ các nguồn tài nguyên cho thế hệ tương lai và nâng cao chất lượng sống cho con người. Trong xu hướng tiêu dùng xanh, các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường được ưu tiên lựa chọn và được coi như một tiêu chuẩn cho các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

Xu hướng tiêu dùng xanh, sống xanh được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Do đó, sự dịch chuyển sản xuất xanh đúng lúc để bắt kịp nhu cầu thị trường chính là cơ sở để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn. Bên cạnh đó, xanh hóa sản xuất cũng đồng thời thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng - xã hội, nhằm chung tay bảo vệ môi trường và hệ sinh thái chung.

### **3. Xu hướng tiêu dùng thủy sản**

Các xu hướng tiêu dùng mới hiện nay ở các thị trường phát triển:

- Thực phẩm giản tiện thay thế bữa ăn gia đình với các sản phẩm ăn liền, dễ nấu, dẫn ăn;
- Các sản phẩm tốt cho sức khỏe, tăng sức đề kháng như sản phẩm organic;
- Xu hướng bảo vệ môi trường với bao bì đóng gói hạn chế sử dụng nguyên liệu từ nhựa, mô hình quản trị ESG trong quy trình sản xuất (là một bộ tiêu chuẩn để đo lường các yếu tố liên quan đến phát triển bền vững và ảnh hưởng của doanh nghiệp đến cộng đồng). Bảo vệ môi trường, kinh tế tuần hoàn, các vấn đề về xã hội như đời sống và môi trường làm việc của người lao động.

Đây là những yếu tố mà các doanh nghiệp ở các nước phát triển chú ý trong việc xem xét nhập khẩu sản phẩm.

Các tiêu chí lựa chọn sản phẩm thủy sản tiêu thụ ở EU thường theo thứ tự sau: Đa số ưu tiên lựa chọn những sản phẩm thủy sản có xuất xứ ở Châu Âu, sau đó những sản phẩm thủy sản đảm bảo rõ thông tin về nguồn gốc của sản phẩm, thân thiện với môi trường, dễ sử dụng, giá của sản phẩm thủy sản đó so với những sản phẩm có tính chất

tương đồng trong bữa ăn và địa điểm sử dụng. Người dân EU thường xuyên ăn thủy sản tươi sống ở nhà hàng vì họ cho rằng thủy sản tươi sống sẽ ngon hơn khi biết cách chế biến và các nhà hàng sẽ chế biến thủy sản tươi sống tốt hơn ở nhà. Trong khi những sản phẩm thủy sản đông lạnh, sơ chế, dễ chế biến sẽ được dùng nhiều hơn ở nhà, bếp ăn tập thể. Những sản phẩm thủy sản đóng hộp luôn được lựa chọn cho những chuyến du lịch ngắn ngày.

Ngoài ra những yếu tố liên quan tới văn hóa, mức thu nhập của người dân từng quốc gia, khu vực sẽ tác động mạnh tới xu hướng tiêu dùng và nhập khẩu thủy sản của EU.

Những sản phẩm thủy sản có tính tiện dụng tiêu dùng ở nhà đang là lựa chọn của phần đông người tiêu dùng thủy sản ở EU. Riêng thói quen quan tâm tới chất lượng để đảm bảo sức khỏe, tính bền vững, nguồn gốc sản phẩm và tính thân thiện là không thay đổi.

#### **4. Xu hướng tiêu thụ thủy sản ở châu Á**

Mức tiêu thụ bình quân đầu người dự kiến đạt 21,5kg, tăng so với 20,5kg năm 2018. Tiêu thụ bình quân tăng trưởng cao nhất ở Châu Á (9%), Châu Âu 7%, Châu Mỹ Latinh và Châu Đại Dương 6%, riêng Châu Phi giảm 3%...

Dự báo đến năm 2030 nhu cầu tiêu thụ thủy sản làm thực phẩm của thế giới sẽ tăng 18% (28 triệu tấn) so với năm 2018. Trong đó, Châu Á sẽ tiêu thụ mạnh nhất, chiếm 71% (183 triệu tấn).

#### **5. Xu hướng tiêu thụ thủy sản ở một số thị trường chính**

Sau thời gian dài chịu tác động từ dịch Covid-19 và các biến động của lạm phát, nhu cầu và xu hướng tiêu dùng thủy sản ở nhiều thị trường đã thay đổi.

Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp và ngành thủy sản Việt Nam phải có phương án thích ứng nhằm duy trì vị thế và đảm bảo tăng trưởng.

Theo đánh giá của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), nhu cầu tiêu thụ thủy sản của thế giới hàng năm tiếp tục tăng do dân số tăng và tiêu dùng bình quân đầu người cũng tăng.

Thị hiếu tiêu dùng thủy sản của thế giới hiện nay và thời gian tới sẽ ưu tiên lựa chọn các sản phẩm chất lượng cao, giá trị cao, có tính tiện dụng, tiện ích. Đặc biệt là các loại sản phẩm cao cấp tươi sống như tôm, cua, ghẹ, cá hồi, cá ngừ,... sẽ được ưu tiên lựa chọn

hơn so với các loại thủy sản đóng hộp do tâm lý e ngại chất bảo quản. Các sản phẩm thủy sản nuôi trồng chủ yếu được sử dụng dưới dạng chế biến đông lạnh. Thủy sản khô và các loại chả cá chủ yếu vẫn được các nước tại khu vực châu Á ưa chuộng.

Kể từ sau các đợt bùng phát dịch Covid-19, nửa đầu năm 2022 nhu cầu thủy sản thế giới đã khôi phục, người tiêu dùng Trung Quốc ngày càng ưa chuộng các sản phẩm thủy sản chất lượng cao, có giá trị gia tăng.

Nhu cầu thủy sản toàn cầu đã đạt đỉnh và sẽ giảm trong nửa cuối 2022. Tình hình lạm phát gia tăng làm giảm chi tiêu cho thủy sản, người tiêu dùng sẽ ưu tiên cho các loại có giá vừa phải phù hợp với thu nhập đang bị sụt giảm. Tôm nhỏ, cá tra, chả cá, surimi, cá biển nhỏ vẫn có nhu cầu cao nhưng giá sẽ giảm so với nửa đầu năm. Đó sẽ là xu hướng mà các doanh nghiệp xuất khẩu cần linh hoạt đáp ứng để giữ được thị phần trong giai đoạn hiện nay.

Về lâu dài, doanh nghiệp phải đảm bảo định hướng bền vững, tính minh bạch, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm xã hội, trách nhiệm môi trường của chuỗi sản xuất sản phẩm bởi các thị trường sẽ gia tăng hoặc siết chặt các quy định liên quan đến chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường, lao động...

Các tiêu chí lựa chọn sản phẩm thủy sản tiêu thụ ở EU thường theo thứ tự sau: Đa số ưu tiên lựa chọn những sản phẩm thủy sản có xuất xứ ở Châu Âu, sau đó những sản phẩm thủy sản đảm bảo rõ thông tin về nguồn gốc của sản phẩm, thân thiện với môi trường, dễ sử dụng, giá của sản phẩm thủy sản đó so với những sản phẩm có tính chất tương đồng trong bữa ăn và địa điểm sử dụng.

Người dân EU thường xuyên ăn thủy sản tươi sống ở nhà hàng vì họ cho rằng thủy sản tươi sống sẽ ngon hơn khi biết cách chế biến và các nhà hàng sẽ chế biến thủy sản tươi sống tốt hơn ở nhà. Trong khi những sản phẩm thủy sản đông lạnh, sơ chế, dễ chế biến sẽ được dùng nhiều hơn ở nhà, bếp ăn tập thể. Những sản phẩm thủy sản đóng hộp luôn được lựa chọn cho những chuyến du lịch ngắn ngày.

Ngoài ra những yếu tố liên quan tới văn hóa, mức thu nhập của người dân từng quốc gia, khu vực sẽ tác động mạnh tới xu hướng tiêu dùng và nhập khẩu thủy sản của EU.

Dịch Covid-19 không thay đổi cơ bản về quan điểm tiêu dùng và nhập khẩu thủy sản ở EU mà chỉ thay đổi ở giá trị sản phẩm và tính tiện dụng của sản phẩm. Cụ thể như

trước đây nhu cầu tiêu dùng tôm cỡ to, tôm sú nhiều hơn, thì nay chuyển dần sang tôm sú cỡ nhỏ và trung bình hoặc tôm thẻ có mức giá phù hợp trong bối cảnh cắt giảm chi tiêu. Những sản phẩm tôm phục vụ nhà hàng, thủy sản tươi sống phục vụ nhà hàng cũng ít được tiêu dùng do đặc thù giãn cách xã hội.

Những sản phẩm thủy sản có tính tiện dụng tiêu dùng ở nhà đang là lựa chọn của phần đông người tiêu dùng thủy sản ở EU. Riêng thói quen quan tâm tới tính bền vững, nguồn gốc sản phẩm và tính thân thiện là không thay đổi.

Các nước Bắc Âu là các nước đi đầu trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bền vững. Sau đây là các xu hướng tiêu thụ thủy sản ở thị trường Bắc Âu:

- Thị trường các sản phẩm tiện lợi và đồ ăn sẵn đang tăng
- Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến thực phẩm tốt cho sức khỏe
- Nhu cầu về thủy sản bền vững ngày càng tăng
- Sự thiếu tin tưởng của người tiêu dùng làm tăng nhu cầu về sự đảm bảo: Các cơ chế đảm bảo về quy trình sản xuất và xuất xứ của thủy sản ngày càng trở nên quan trọng. Việc truy xuất nguồn gốc các sản phẩm thủy sản đang trở thành một cơ chế đảm bảo phổ biến trong ngành thủy sản và người mua ngày càng yêu cầu nhiều hơn. Khả năng truy xuất nguồn gốc cho phép người mua kiểm tra chuỗi cung ứng sản phẩm từ "biển đến bàn ăn" đối với các sản phẩm đánh bắt tự nhiên hoặc từ "trang trại đến bàn ăn" đối với các sản phẩm nuôi trồng.
- Xu hướng trên thị trường bán lẻ thực phẩm dân tộc: Thị trường bán lẻ dân tộc châu Âu nói chung và Bắc Âu nói riêng có sự tăng trưởng mạnh mẽ, thể hiện ở việc có đến 60% khách hàng của các cửa hàng bán lẻ thực phẩm dân tộc (ví dụ, cửa hàng thực phẩm Thái Lan, Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản hay cửa hàng thực phẩm châu Á) là người tiêu dùng bản địa. Nhóm khách hàng này ghé thăm các cửa hàng bán lẻ dân tộc vì họ thích ăn các sản phẩm khác nhau, sản phẩm mới mẻ và thú vị, trong đó có sản phẩm thủy sản.

## 8. Xu hướng về phong cách sống

Xu hướng sống xanh, tiêu dùng xanh, tiêu dùng có trách nhiệm đang trở thành xu hướng ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt phổ biến tại các nước phát triển và đang

lan tỏa mạnh mẽ sang các nước đang phát triển có thu nhập ở mức trung bình trở lên. Đây được coi là bước triển khai thực tiễn và quan trọng của khái niệm tiêu dùng bền vững, nhằm giảm tác động của xã hội đối với môi trường.

Tiêu dùng xanh là mua và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây hại cho sức khỏe của con người và không đe dọa đến hệ sinh thái tự nhiên. Nó xuất phát từ mong muốn bảo vệ các nguồn tài nguyên cho thế hệ tương lai và nâng cao chất lượng sống cho con người. Trong xu hướng tiêu dùng xanh, các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường được ưu tiên lựa chọn và được coi như một tiêu chuẩn cho các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

Tính minh bạch về giá cả cũng như thông tin công ty cung ứng các sản phẩm thủy hải sản sẽ giúp người tiêu dùng có sự lựa chọn nhiều hơn.

## **10. Xu hướng giá cả**

Do tính cạnh tranh cao trên thị trường, các nhà cung cấp thủy sản vẫn sử dụng giá như vũ khí lợi hại để chiếm lĩnh thị trường, nên xu hướng tăng giá trên thị trường thế giới cũng bị hạn chế. Cần lưu ý rằng, cạnh tranh về giá chủ yếu phát huy tác dụng tại thị trường các nước đang phát triển, các thị trường mới, trong khi tại các nước phát triển, thì xu hướng tiêu dùng xanh, các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường được ưu tiên lựa chọn và được coi như một tiêu chuẩn cho các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, và cùng với tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm mới là yếu tố quyết định đến sức cạnh tranh của sản phẩm.

## **E. Các vấn đề về yêu cầu tiếp cận thị trường then chốt**

### **1. Những yêu cầu then chốt trong ngành thủy hải sản tại Hoa Kỳ**

#### **Phân công kiểm soát ATTP**

Theo phân công hiện hành, Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) chịu trách nhiệm kiểm soát ATTP trong khâu sản xuất (cơ sở sơ chế, chế biến), cơ quan thẩm quyền tại các Bang chịu trách nhiệm kiểm soát ATTP trong khâu phân phối (cơ sở bán buôn, bán lẻ).

Hiện tại, FDA đã ủy quyền cho Cơ quan quốc gia về khí quyển và đại dương thuộc Bộ Thương mại (NOAA) thực hiện kiểm tra, chứng nhận thủy sản xuất nhập khẩu. Hiện

nay NOAA đang triển khai Chương trình thanh tra thủy sản. Đây là Chương trình không mang tính bắt buộc, cơ sở sản xuất thủy sản có thể đăng ký tham gia tự nguyện (trả phí) để được các chuyên gia của NOAA tư vấn triển khai áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo HACCP và giám sát định kỳ điều kiện bảo đảm ATTP của các cơ sở chế biến thủy sản, bao gồm cả các cơ sở nuôi thủy sản hoặc cơ sở cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở chế biến này (tần suất tối thiểu 4 lần/năm tùy thuộc vào mức rủi ro của sản phẩm và lịch sử tuân thủ của cơ sở sản xuất).

### **Quy định chung về ATTP**

- Tại Hoa Kỳ, Luật ban hành để đảm bảo sự an toàn của nguồn cung cấp thực phẩm và thiết lập mức độ bảo vệ của quốc gia, thể hiện rõ sự phân chia quyền lực, dựa trên cơ sở khoa học và mang cách tiếp cận dựa trên rủi ro phòng ngừa.

- Một số luật và các quy định quan trọng liên quan đến ATTP thủy sản bao gồm: “Bộ Luật liên bang CFR”, “Luật Liên bang về thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm”, “Luật sửa đổi về An toàn thực phẩm” và gần đây là Đạo luật Nông trại (Farm Bill) ban hành năm 2014:

+ Bộ Luật liên bang CFR, mục 21 (Thuốc và thực phẩm): quy định cụ thể về kiểm soát ATTP đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của FDA.

+ Luật Liên bang Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act- FFDCFA): được quốc hội thông qua từ năm 1938, theo đó trao quyền cho FDA thực hiện giám sát ATTP, thuốc và mỹ phẩm. Luật đưa ra các định nghĩa về thực phẩm, thuốc, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, thực phẩm biến đổi gen,... Luật cũng quy định các hành vi bị cấm và các hình thức xử phạt có liên quan.

+ Luật sửa đổi về An toàn thực phẩm (FDA Food Safety Modernization Act): tập trung vào các quy định về tăng cường năng lực để ngăn ngừa các vấn đề về ATTP, tăng cường năng lực để phát hiện và phản ứng đối với các vấn đề về ATTP, nâng cao chất lượng của thực phẩm nhập khẩu.

+ Đạo luật Nông trại (Farm Bill) năm 2014: Theo đạo luật này, chương trình kiểm tra cá da trơn sẽ được chuyển từ Cục Quản lý Thực phẩm và Dược (FDA) sang Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA). Theo qui định của USDA thì các nước xuất khẩu cá da trơn (như Việt Nam) vào Hoa Kỳ sẽ phải đáp ứng yêu cầu phải về chương trình giám sát

ATTP trong quá trình nuôi cũng như việc sản xuất và kiểm tra, chứng nhận lô hàng trước khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ.

### **Chương trình/biện pháp giám sát tại công đoạn nuôi**

Hệ thống chương trình giám sát được xây dựng và tổ chức triển khai hàng năm, giám sát tồn dư và vi sinh vật gây bệnh. Chỉ tiêu chỉ định phân tích căn cứ vào đánh giá rủi ro tùy theo loại sản phẩm và điều kiện thực tế sản xuất.

### **Biện pháp kiểm soát đối với thủy sản nuôi nhập khẩu vào Hoa Kỳ**

Như vậy, với thủy sản nuôi của các nước (như Việt Nam,...) xuất khẩu vào Hoa Kỳ cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đối với cá da trơn: Phải có chương trình giám sát ATTP trong quá trình nuôi; quá trình sản xuất phải bảo đảm ATTP; lô hàng xuất khẩu phải được kiểm tra, chứng nhận đạt yêu cầu trước khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ; các lô hàng này cũng sẽ được kiểm tra theo quy định hiện hành khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ.
- Đối với sản phẩm thủy sản khác: Lô hàng xuất khẩu được kiểm tra, chứng nhận theo quy định hiện hành khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ.

Quy định hiện hành của Hoa Kỳ (FDA) về kiểm tra lô hàng nhập khẩu cụ thể như sau: Từ năm 1974 đến nay, FDA áp dụng chính sách giữ hàng tự động (Automatic detention) đối với các thực phẩm nhập khẩu, cụ thể: Thay vì kiểm tra từng lô hàng khi nhập cảng, FDA sẽ dựa theo hồ sơ thông tin lưu trữ “sổ đen” để tự động giữ hàng của một công ty, một sản phẩm nào đó của quốc gia đã từng bị cảnh báo trước đó để kiểm tra. Với biện pháp này, FDA chuyển trách nhiệm chứng minh sản phẩm an toàn, đạt tiêu chuẩn cho các nhà sản xuất nước ngoài.

## **2. Những yêu cầu then chốt tại thị trường Nhật Bản**

### **Mô hình tổ chức/phân công, phân cấp**

- Cơ quan hoạch định chính sách về ATTP: Là Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản được giao trách nhiệm quản lý ATTP toàn bộ quá trình sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu (thông qua kiểm tra các sản phẩm nhập khẩu và cấp giấy chứng nhận ATTP đối với các sản phẩm xuất khẩu căn cứ theo thỏa thuận song phương), lưu thông, tiêu dùng. Bộ Y Tế, Bộ Lao Động và Phúc Lợi Xã Hội và Cục Môi trường là những đơn vị chịu trách nhiệm

trong việc thiết lập và kiểm tra các mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Quy định về các mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật này dựa trên Luật vệ sinh thực phẩm, xem thêm tại: [https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/kenkou\\_iryuu/shokuhin/zanryu/index\\_00016.html](https://www.mhlw.go.jp/stf/seisakunitsuite/bunya/kenkou_iryuu/shokuhin/zanryu/index_00016.html).

- Cơ quan thực thi chính sách về ATTP:

+ Cấp khu vực: có 7 Cơ quan Y tế và Phúc lợi vùng (Regional Bureau of Health and Welfare) chịu trách nhiệm quản lý ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm gồm: tư vấn, đánh giá cơ sở; thanh tra cơ sở; phê duyệt, gia hạn, thu hồi phê duyệt cơ sở. Ngoài ra, Cơ quan Y tế và Phúc lợi còn thanh tra và phê duyệt phòng kiểm nghiệm có thẩm quyền để thực hiện các thử nghiệm kiểm tra riêng của cơ sở.

+ Cấp địa phương: các Cơ quan địa phương (Prefectural and municipal Governments) chịu trách nhiệm: Thanh tra cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, cấp giấy phép kinh doanh, thu hồi giấy phép kinh doanh, đình chỉ hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, tại Nhật Bản còn có 549 Trung tâm Y tế cộng đồng (Public Health Centers) dưới sự giám sát của Cơ quan địa phương có trách nhiệm thanh tra, hướng dẫn cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thực hiện theo các quy định ATTP.

### **Hệ thống văn bản quy định**

- Quản lý ATTP tại Nhật Bản được dựa trên Luật An toàn thực phẩm cơ bản, Luật Vệ sinh thực phẩm, Luật về Tiêu chuẩn và Ghi nhãn đúng Sản phẩm Nông nghiệp và lâm nghiệp (Luật JAS) và các luật khác có liên quan.

- Danh mục dư lượng hóa chất nông nghiệp trong thực phẩm: Ngày 29/05/2006, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Ban hành Danh mục dư lượng hóa chất nông nghiệp trong thực phẩm. Danh mục quy định mức giới hạn tối đa cho phép (MRL) của thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và phụ gia thức ăn cho động vật (gồm 758 chất) trong thực phẩm. Đối với các hoá chất nông nghiệp chưa quy định MRL trong thực phẩm (loại thực phẩm cụ thể) sẽ áp dụng mức giới hạn mặc định (uniform limit) là 0,01ppm.

- Danh mục phụ gia thực phẩm: Từ năm 1947, sau khi ban hành Luật Vệ sinh thực phẩm, Bộ Y tế lao động và Phúc lợi đã ban hành Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng. Danh mục thường xuyên được điều chỉnh và cập nhật dựa trên đánh giá nguy cơ của Ủy ban An toàn thực phẩm. Hiện nay trong Danh mục có 436 chất phụ gia được phép sử dụng trong sản xuất kinh doanh thực phẩm.



## **Chương trình/biện pháp giám sát tại công đoạn nuôi**

Hiện tại, Nhật Bản mới chỉ có Chương trình giám sát tồn dư hóa chất, kháng sinh và vi sinh vật mới chỉ được triển khai thực hiện tại khâu lưu thông, chưa thực hiện tại khâu sản xuất ban đầu (như công đoạn nuôi,...).

### **Biện pháp kiểm soát thủy sản nuôi nhập khẩu**

- Kiểm tra giám sát (Monitoring inspection):

Việc kiểm tra giám sát được thực hiện tại các trạm kiểm dịch của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi đối với thực phẩm và các hàng hóa chưa biết chắc là có tuân thủ Luật vệ sinh thực phẩm hay không. Hàng năm, hệ thống kiểm tra giám sát nêu rõ loại hàng hóa phải kiểm tra giám sát dựa trên số lượng nhập khẩu hàng năm và thông tin thu thập được về những vi phạm trong quá khứ đối với mỗi loại hàng hóa (tỷ lệ lô hàng lấy mẫu giám sát là khoảng 5%).

Mục đích của hệ thống kiểm tra giám sát là nhằm thu thập dữ liệu thông tin về tình trạng vệ sinh của những thực phẩm khác nhau được đưa vào Nhật Bản. Trong khi các giám sát viên vệ sinh thực phẩm của Bộ thực hiện việc kiểm tra mẫu, thủ tục nhập khẩu vẫn có thể tiếp tục thực hiện mà không cần đợi kết quả kiểm tra.

Kiểm tra giám sát sẽ tăng lên khi phát hiện có 01 lô vi phạm, khi đó 50% lô hàng sẽ bị lấy mẫu kiểm tra chỉ tiêu vi phạm. Khi không vi phạm nào bị phát hiện trong vòng một năm, kiểm tra tăng sẽ trở lại thành kiểm tra thông thường.

- Kiểm tra 100% theo lệnh kiểm tra (Inspection Order):

Khi việc kiểm tra hồ sơ và thông tin về tình trạng vệ sinh tại nước xuất khẩu, bản chất của thực phẩm và các hàng hóa có liên quan, hoặc hồ sơ về sự không phù hợp của hàng hóa tương tự trong quá khứ cho thấy thực phẩm có nguy cơ vi phạm Luật Vệ sinh Thực phẩm cao (ví dụ: khi kiểm tra giám tăng cường 50% mà vẫn phát hiện vi phạm) thì Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản sẽ ban hành Lệnh kiểm tra 100% cho đến khi chứng minh được thực phẩm đó đảm bảo an toàn vệ sinh theo qui định.

- Lệnh cấm nhập khẩu toàn diện: Khi thực phẩm nhập khẩu được sản xuất ở quốc gia hay khu vực cụ thể, hoặc bởi nhà kinh doanh cụ thể, nếu số lượng thực phẩm nhập khẩu vi phạm luật lớn hơn xấp xỉ 5% tổng số lượng hàng được kiểm tra, và nếu có

nhieu khả năng việc nhập khẩu các thực phẩm vi phạm vẫn sẽ tiếp diễn do những nguyên nhân đã được đưa ra, ví dụ như tình trạng kiểm soát vệ sinh thực phẩm ở nước xuất khẩu, Bộ Y tế sẽ ban hành lệnh cấm nhập khẩu loại sản phẩm này.

- Các biện pháp khẩn cấp dựa trên thông tin về các vấn đề liên quan từ nước ngoài: Bộ Y tế, Lao động và phúc lợi sẽ thu thập thông tin về các vấn đề vệ sinh thực phẩm từ nước ngoài. Khi nhận thấy thực phẩm có vấn đề có thể nhập khẩu vào Nhật Bản, Bộ sẽ kiểm tra tình trạng nhập khẩu vào Nhật của các thực phẩm này. Nếu những thực phẩm như vậy đang hay thực tế đã nhập khẩu vào Nhật, Bộ sẽ yêu cầu các trạm kiểm dịch và/ hoặc các quận có liên quan điều tra quá trình phân phối và tình trạng tồn kho của loại thực phẩm này; yêu cầu nhà nhập khẩu thu hồi khi cần thiết và hướng dẫn các trạm kiểm dịch tăng cường kiểm tra những các loại thực phẩm này.

Như vậy, chế độ kiểm soát thủy sản nhập khẩu của Nhật Bản dựa theo việc kiểm tra lô hàng nhập khẩu theo tỷ lệ nhất định. Các lô hàng tôm nuôi của Việt Nam hiện nay xuất khẩu vào Nhật Bản phải chịu sự kiểm tra 100% đối với các chỉ tiêu: Chloramphenicol, Furazolidone, Enrofloxacin, Oxytetracycline. Đối với các sản phẩm thủy sản nuôi khác xuất khẩu vào Nhật Bản chỉ phải kiểm tra theo chế độ lấy mẫu giám sát (khoảng 5%) như ở trên.

## **Quy định nhập khẩu thủy sản vào Nhật Bản**

### **a. Luật và quy định về nhập khẩu thủy sản vào Nhật Bản**

Việc nhập khẩu thủy sản tươi sống và chế biến vào Nhật Bản phải tuân theo các quy định của các luật sau đây: Luật Ngoại hối và Ngoại thương, Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, Luật Hải quan.

#### **\* Luật Ngoại hối và Ngoại thương**

Việc nhập khẩu hàng thủy sản phải tuân theo các quy định về hạn chế nhập khẩu sau đây: Hạn ngạch nhập khẩu; Phê duyệt nhập khẩu; Xác nhận nhập khẩu (trước hoặc tại thời điểm thông quan)

+ Hạn ngạch nhập khẩu

Những loại thủy sản sau đây được coi là đối tượng áp dụng hạn ngạch nhập khẩu theo quy định của Luật Ngoại hối và Ngoại thương; đồng thời các nhà nhập khẩu phải được cấp hạn ngạch nhập khẩu và phê duyệt nhập khẩu từ Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp:

Cá trích (nishin), cá tuyết (tara), cá đuôi vàng, cá thu, cá mòi, cá thu, sò điệp, mắt sò, mực,... (sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, phi lê hoặc sấy khô). Có bốn chế độ phân bổ hạn ngạch, bao gồm phân bổ theo công ty thương mại (phân bổ dựa trên hồ sơ trong quá khứ), phân bổ theo nhà khai thác thủy sản, phân bổ theo người tiêu dùng và phân bổ trên cơ sở “người đến trước”. Các nhà nhập khẩu mới không có kinh nghiệm nhập khẩu trong quá khứ về nguyên tắc sẽ chỉ có thể đăng ký phân bổ “người đến trước” (phân bổ có thể được thực hiện bằng việc bốc thăm); nếu không thì họ có thể nhận phân bổ lại từ những người đã có phân bổ.

#### + Phê duyệt nhập khẩu

Để nhập khẩu các loại thủy sản sau đây, các nhà nhập khẩu bắt buộc phải nhận được phê duyệt nhập khẩu từ Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp:

- Cá ngừ vây xanh (được nuôi ở Đại Tây Dương hoặc biển Địa Trung Hải và được bảo quản tươi/ướp lạnh).
- Cá ngừ vây xanh miền Nam (được bảo quản tươi hoặc ướp lạnh, trừ những loại từ Úc, New Zealand, Philippines, Hàn Quốc hoặc Đài Loan).
- Cá ngừ mắt to tươi sống và chế biến, cá, động vật giáp xác và động vật có xương sống khác và thực phẩm chế biến của chúng, và các sản phẩm từ động vật sử dụng cá, động vật giáp xác và động vật thân mềm.

#### + Xác nhận nhập khẩu trước

Để nhập khẩu các loại thủy sản sau đây, các nhà nhập khẩu cần phải nhận được một văn bản xác nhận nhập khẩu từ Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp trước khi tiến hành nhập khẩu:

- Sản phẩm đông lạnh của các loại: cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh miền Nam, cá ngừ mắt to, cá kiếm.

- Cá ngừ (không bao gồm cá ngừ albacore, cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh phương Nam và cá ngừ mắt to) và cá marlin (không bao gồm cá kiếm) được nhập khẩu bằng tàu biển (được bảo quản tươi / ướp lạnh / đông lạnh).

+ Xác nhận nhập khẩu tại thời điểm thông quan

Để nhập khẩu các loại thủy sản sau đây, nhà nhập khẩu cần nộp hồ sơ bắt buộc bao gồm dữ liệu thống kê, giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận về tái xuất để có thể nhận được xác nhận nhập khẩu từ Cơ quan Hải quan:

- Cá ngừ vây xanh (tươi / ướp lạnh)
- Cá ngừ vây xanh phương Nam (tươi/ướp lạnh)
- Cá kiếm (tươi/ướp lạnh)

#### **\* Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm**

Theo Thông báo số 370 của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi về “Tiêu chuẩn và tiêu chí cho thực phẩm và chất phụ gia” ban hành theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, và các tiêu chuẩn về dư lượng kháng sinh,... (gồm chất phụ gia thực phẩm và thuốc cho động vật), thủy sản tươi sống và chế biến là đối tượng phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, được kiểm tra theo loại và tính chất của nguyên liệu thô, kiểm tra theo loại và hàm lượng chất phụ gia, dư lượng kháng sinh, v.v... Lệnh cấm nhập khẩu thực phẩm có thể được ban hành nếu trong sản phẩm sử dụng chất phụ gia bị cấm, hay dư lượng kháng sinh vượt qua mức độ cho phép. Thủy sản tươi sống và chế biến nên được kiểm tra tại nơi sản xuất trước khi tiến hành nhập khẩu. Nếu việc sử dụng chất phụ gia hay dư lượng chất kháng sinh vượt quá giới hạn theo tiêu chuẩn Nhật Bản, cần đưa ra các hướng dẫn xử lý phù hợp tiếp theo cho doanh nghiệp xuất khẩu.

Cho đến năm 2006, các tiêu chuẩn về dư lượng kháng sinh được áp dụng theo nguyên tắc “chọn - bỏ”, theo đó một chất kháng sinh sẽ không bị kiểm soát dư lượng nếu không có quy định cụ thể áp dụng cho chất đó. Tuy nhiên, luật sửa đổi sau đó đã áp dụng nguyên tắc “chọn - cho”, theo đó một sản phẩm sẽ bị cấm lưu thông phân phối nếu có chứa một mức độ nhất định dư lượng kháng sinh, ngay cả khi không có quy định cụ thể nào áp dụng cho chất kháng sinh đó. Nguyên tắc “chọn - cho” được áp dụng với mọi loại thực phẩm, bao gồm thủy sản kể cả tự nhiên hay nuôi trồng.

Kể từ năm 2011, trong số các loại thủy sản là đối tượng chịu kiểm tra bắt buộc theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (kiểm tra mọi lô hàng đối với những thực phẩm có nguy cơ cao vi phạm Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm), các mặt hàng là đối tượng chịu kiểm tra bắt buộc không kể đến xuất xứ bao gồm trứng cá hồi và cá nóc. Ngoài ra, tôm và tôm thương phẩm nuôi trồng từ Thái Lan (kiểm tra dư lượng axit oxolinic), tôm và tôm thương phẩm Việt Nam (chloramphenicol, nitrofurans...) cũng là đối tượng chịu kiểm tra bắt buộc.

Giới hạn tối đa áp dụng là 0,002 ppm đối với fenitrothio; 0,01 ppm đối với axit oxolinic, acetochlor và triazophos; và cấm sử dụng nitrofurans và chloramphenicol trong sản phẩm thủy sản.

#### **\* Luật Hải quan**

Luật Hải quan cấm việc nhập khẩu các lô hàng được ghi sai nhãn hoặc gây khó hiểu về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa.

#### **b. Luật và quy định về bán hàng thủy sản tại Nhật Bản**

Các luật và quy định liên quan đến bán hàng thủy sản tại Nhật Bản bao gồm:

##### **\* Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm**

Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm cấm việc bán các sản phẩm thủy sản kém vệ sinh hoặc có chứa các chất độc hại. Trên bao bì chứa thủy sản tươi sống và chế biến phải ghi nhãn bắt buộc theo quy định của Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm và các quy định liên quan đến ghi nhãn an toàn như chỉ dẫn phụ gia thực phẩm, thông tin về nguy cơ gây dị ứng, tên thành phần nguyên liệu thô và nguồn gốc, sản phẩm biến đổi gen,...

Việc bán các sản phẩm thủy sản (trừ sản phẩm chưa qua chế biến) phải tuân thủ quy định của Luật Trách nhiệm sản phẩm và cần chú ý đến việc quản lý an toàn chất lượng sản phẩm, đóng gói bao bì để tránh các rủi ro về bùng phát ngộ độc thực phẩm.

##### **\* Luật Trách nhiệm sản phẩm**

Luật Trách nhiệm sản phẩm quy định trách nhiệm pháp lý của các nhà sản xuất đối với thiệt hại cho người tiêu dùng liên quan đến lỗi của sản phẩm, và nhà nhập khẩu được đối xử như các nhà sản xuất nội địa. Đây là quy định cơ bản yêu cầu nhà nhập khẩu cũng phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại gây ra cho người tiêu dùng bởi người

tiêu dùng rất khó có thể tìm và yêu cầu nhà sản xuất nước ngoài phải chịu trách nhiệm về thiệt hại xảy ra. Yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại từ phía các nhà sản xuất ở nước ngoài là được coi là vấn đề thuộc trách nhiệm của nhà nhập khẩu, mang tính độc lập với Luật Trách nhiệm sản phẩm.

#### **\* Luật Giao dịch thương mại chỉ định**

Luật Giao dịch thương mại chỉ định quy định việc bảo vệ quyền lợi của người mua hàng trong các giao dịch thương mại trực tiếp. Việc bán thủy sản tươi sống và chế biến thông qua các hình thức như đặt hàng qua thư điện tử, tiếp thị qua điện thoại, tiếp thị trực tiếp,... phải tuân theo các quy định của Luật Giao dịch thương mại chỉ định.

#### **\* Luật Khuyến khích thu gom rác đã phân loại và tái chế bao bì**

Theo Luật Khuyến khích thu gom rác đã phân loại và tái chế bao bì, các nhà nhập khẩu bán các sản phẩm sử dụng các đồ đựng và bao bì là đối tượng kiểm soát của Luật này (đồ đựng và bao bì bằng giấy hay nhựa,...) phải chịu trách nhiệm việc tái chế đồ đựng và bao bì đó. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ dưới một quy mô nhất định được loại trừ ra khỏi đối tượng phải tuân theo quy định của Luật này.

### **c. Quy trình cấp phép nhập khẩu thủy sản tại Nhật Bản**

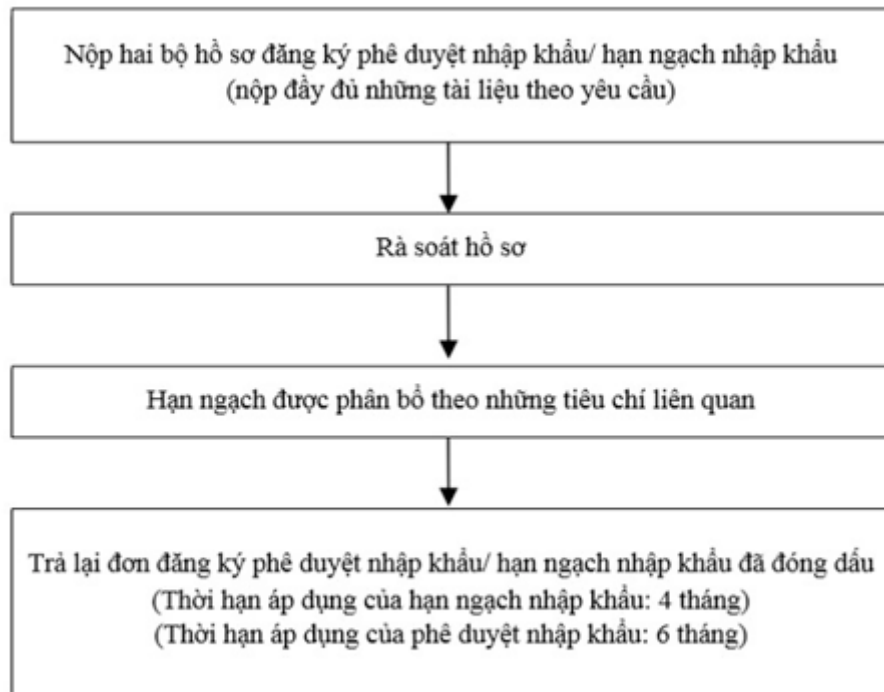
#### **\* Các biện pháp hạn chế nhập khẩu**

##### **+ Hạn ngạch nhập khẩu**

Những thông tin liên quan đến hạn ngạch nhập khẩu được công bố rộng rãi trên trang web của Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp, bao gồm tiêu chuẩn áp dụng, lượng hạn ngạch được phân bổ, hạn nộp đơn, nơi xuất xứ (bởi vì nhập khẩu bị cấm từ những quốc gia ngoài danh sách cho phép)... dựa trên loại mặt hàng nào là đối tượng chịu áp dụng hạn ngạch.

Quy trình xin hạn ngạch nhập khẩu được minh họa trong sơ đồ dưới đây; đơn đăng ký hạn ngạch nhập khẩu phải được nộp cho Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (thông qua Văn phòng sản phẩm nông nghiệp và thủy sản, Vụ Kiểm soát thương mại, Cục Hợp tác kinh tế và thương mại). Sau khi nhận lại đơn đăng ký hạn ngạch được đóng dấu phê duyệt chính thức, nhà nhập khẩu có thể bắt đầu quy trình làm thủ tục nhập khẩu.

#### **Quy trình xin hạn ngạch nhập khẩu**

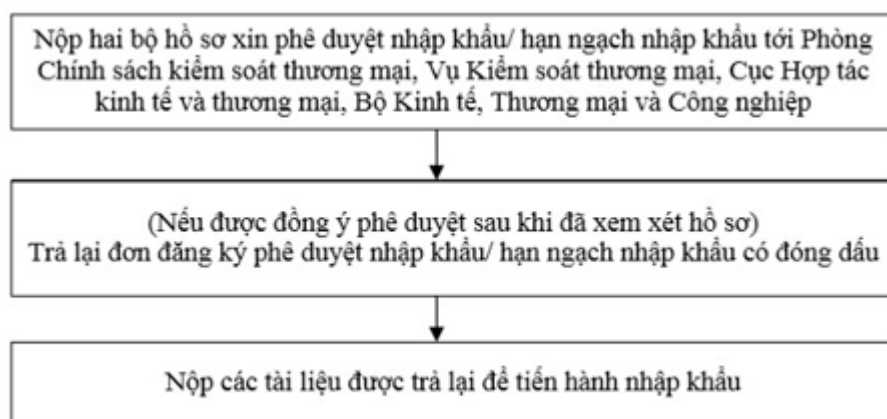


*Nguồn: Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp*

#### + Phê duyệt nhập khẩu

Quy trình xin phê duyệt nhập khẩu được minh họa tại sơ đồ dưới đây; đơn đăng ký xin xác nhận nhập khẩu phải được nộp cho Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (thông qua Vụ Kiểm soát thương mại, Cục Hợp tác kinh tế và thương mại). Sau khi nhận lại đơn đăng ký được đóng dấu chính thức, nhà nhập khẩu có thể bắt đầu quy trình làm thủ tục nhập khẩu.

#### Quy trình xin phê duyệt nhập khẩu



*Nguồn: Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp*

#### + Xác nhận nhập khẩu

Đề nhập khẩu cá ngừ (không bao gồm cá ngừ albacore, cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh phương Nam và cá ngừ mắt to), các tài liệu cần thiết phải được nộp để đăng ký xin xác nhận nhập khẩu. Sau khi nhận được thông báo xác nhận do Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp cấp, nhà nhập khẩu có thể tiến hành thủ tục nhập khẩu.

Đề nhập khẩu cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh miền Nam và cá kiếm tươi sống hoặc ướp lạnh (không bao gồm các loại đã nói ở phía trên), giấy chứng nhận phê duyệt nhập khẩu phải được nộp cho Cơ quan Hải quan để có thể nhận xác nhận nhập khẩu.

#### **\* Kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm**

Theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, các tài liệu cần thiết phải được nộp kèm khi nộp đơn đăng ký kiểm dịch với các bộ phận giám sát thực phẩm nhập khẩu tại các Trạm Kiểm dịch thuộc Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi. Việc kiểm dịch vệ sinh thực phẩm sẽ được quyết định tiến hành sau giai đoạn xem xét hồ sơ ban đầu. Nếu như sau giai đoạn xem xét hồ sơ và kiểm dịch không phát hiện bất kỳ vấn đề gì về vệ sinh an toàn thực phẩm, đơn đăng ký kiểm dịch sẽ được trả lại để người nộp đơn nộp kèm cùng với tài liệu hải quan khác trong quá trình thông quan. Trong trường hợp lô hàng bị xác định không phù hợp cho nhập khẩu, các biện pháp như tiêu hủy hoặc trả lại hàng cho người giao hàng sẽ được áp dụng.

#### **\* Thông quan nhập khẩu**

Theo quy định của Luật Kinh doanh hải quan, tờ khai nhập khẩu phải được thực hiện bởi chính nhà nhập khẩu hoặc ủy quyền cho các chuyên gia về hải quan đã đăng ký hành nghề (bao gồm môi giới hải quan).

Để một lô hàng từ nước ngoài có thể cập cảng vào Nhật Bản, tờ khai hải quan phải được nộp cho Cơ quan Hải quan phụ trách khu vực dỡ hàng. Hàng hóa muốn thông quan trước tiên phải trải qua các quy trình kiểm tra, kiểm dịch; sau đó nhà nhập khẩu phải nộp đủ lệ phí hải quan hay các loại thuế tiêu dùng nội địa để được nhận giấy phép nhập khẩu.

#### **d. Cơ quan quản lý nhập khẩu và bán hàng thủy sản tại Nhật Bản**

Luật Bảo vệ thực vật	Phòng Bảo vệ thực vật, Cục An toàn thực phẩm và Bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Nông Lâm Thủy sản	<a href="http://www.maff.go.jp">www.maff.go.jp</a>
Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm	Phòng An toàn và Kiểm dịch, Vụ An toàn thực phẩm, Cục An toàn thực phẩm và dược phẩm, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi	<a href="http://www.mhlw.go.jp">www.mhlw.go.jp</a>



Luật Hải quan	Cục Thuế quan và Hải quan, Bộ Tài chính	<a href="http://www.mof.go.jp">www.mof.go.jp</a>
Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản	Phòng Tiêu chuẩn và Ghi nhãn, Cục An toàn thực phẩm và Bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Nông Lâm Thủy sản	<a href="http://www.maff.go.jp">www.maff.go.jp</a>
Luật Đo lường	Phòng Đo lường và Hạ tầng sở hữu trí tuệ, Cục Môi trường và chính sách khoa học - công nghệ trong công nghiệp, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp	<a href="http://www.meti.go.jp">www.meti.go.jp</a>
Luật Bảo vệ sức khỏe	Phòng Thực phẩm và Ghi nhãn, Tổng cục Người tiêu dùng	<a href="http://www.caa.go.jp">www.caa.go.jp</a>
Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm	Phòng Đại diện, Tổng cục Người tiêu dùng	<a href="http://www.caa.go.jp">www.caa.go.jp</a>
Luật Trách nhiệm sản phẩm	Phòng An toàn người tiêu dùng, Tổng cục Người tiêu dùng	<a href="http://www.caa.go.jp">www.caa.go.jp</a>
Luật Giao dịch thương mại chi định	- Văn phòng Tư vấn người tiêu dùng, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp; - Phòng An toàn người tiêu dùng, Tổng cục Người tiêu dùng	<a href="http://www.meti.go.jp">www.meti.go.jp</a> <a href="http://www.caa.go.jp">www.caa.go.jp</a>
Luật Khuyến khích thu gom rác đã phân loại và tái chế bao bì/Luật Khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên	- Phòng Khuyến khích tái chế, Cục Môi trường và chính sách khoa học - công nghệ trong công nghiệp, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp; - Văn phòng Khuyến khích tái chế, Vụ Tái chế và quản lý rác, Bộ Môi trường; - Phòng Chính sách công nghiệp thực phẩm, Cục Chính sách thực phẩm, Bộ Nông Lâm Thủy sản	<a href="http://www.meti.go.jp">www.meti.go.jp</a> <a href="http://www.env.go.jp">www.env.go.jp</a> <a href="http://www.maff.go.jp">www.maff.go.jp</a>
Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh/ Luật Thương hiệu	- Văn phòng Chính sách quyền sở hữu trí tuệ, Cục Chính sách công nghiệp và thương mại, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp; - Phòng Hành chính tổng hợp, Văn phòng Sáng chế Nhật Bản, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp	<a href="http://www.meti.go.jp">www.meti.go.jp</a> <a href="http://www.jpo.go.jp">www.jpo.go.jp</a>

#### **d. Quy định về ghi nhãn đối với thủy sản nhập khẩu**

Nhãn chất lượng cho thủy sản tươi sống và chế biến phải được ghi bằng tiếng Nhật và tuân thủ theo các luật và quy định sau: Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm, Luật Đo lường, Luật Bảo vệ sức khỏe, Luật Khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên, Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai

sự thật và mô tả gây hiểu lầm, các luật liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (ví dụ: Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh, Luật Thương hiệu).

Khi nhập khẩu và bán thủy sản tươi sống, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin dưới đây trên nhãn, theo quy định ghi nhãn chất lượng đối với sản phẩm tươi sống của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp với nông lâm sản: tên sản phẩm, tên nước xuất xứ, hàm lượng dinh dưỡng, tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu.

Khi nhập khẩu và bán sản phẩm thủy sản chế biến, nhà nhập khẩu phải cung cấp các thông tin dưới đây trên nhãn, theo quy định ghi nhãn chất lượng đối với thực phẩm chế biến của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp với nông lâm sản, và những quy định tương tự đối với đóng gói thực phẩm chế biến trong đồ đựng theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm: tên sản phẩm, thành phần dinh dưỡng, hàm lượng dinh dưỡng, hạn sử dụng, phương thức bảo quản, tên nước xuất xứ, tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu.

#### **\* Tên sản phẩm**

Tên của sản phẩm phải được ghi trên nhãn theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, và Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm.

#### **\* Thành phần**

Các thành phần của sản phẩm phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần từ thành phần có hàm lượng cao nhất đến thấp nhất theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, và Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm.

#### **\* Chất phụ gia**

Tên của các chất phụ gia được sử dụng trong sản phẩm phải được liệt kê trên nhãn theo thứ tự giảm dần của tỷ trọng hàm lượng chất phụ gia theo quy định của Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm. Tên và công dụng của 8 chất phụ gia sau đây phải được ghi rõ trên nhãn: chất làm ngọt, chất chống oxy hóa, màu nhân tạo, chất tạo màu, chất bảo quản, chất làm trắng, chất làm đặc/chất ổn định/chất tạo gel, chất chống nấm). Về chi tiết đối với tiêu chuẩn sử dụng và lưu trữ chất phụ gia, Thông báo số 370 về “Tiêu chuẩn và tiêu chí cho thực phẩm và chất phụ gia” của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi quy định giới hạn tối đa cho phép đối với các chất phụ gia được phê duyệt cho mỗi sản phẩm thực phẩm.

Các quy tắc và tiêu chuẩn theo Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm (Thông báo số 370 của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi) cũng quy định nồng độ natri nitrite trong trứng cá hồi và trứng cá hồi muối (và trứng cá tuyết muối) phải dưới 0,005g/kg.

#### **\* Bệnh dị ứng**

Khi sản phẩm chứa các thành phần đặc biệt sau đây, Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm bắt buộc/ khuyến khích ghi nhãn về nguy cơ gây dị ứng nhằm ngăn chặn những mối nguy hiểm ảnh hưởng đến sức khỏe của những người tiêu dùng dễ bị dị ứng. Tuy nhiên, không cần ghi nhãn nếu các thành phần đó có thể dễ dàng được xác định trong các sản phẩm.

- Những nguyên liệu đặc biệt bắt buộc ghi nhãn bệnh dị ứng: trứng, sữa, bột mì, tôm, cua, mì lúa mạch, lạc.
- Những nguyên liệu đặc biệt được khuyến khích ghi nhãn bệnh dị ứng: mực, trứng cá hồi, cá hồi, cá thu, thịt bò, thịt gà, thịt lợn, nấm, quả óc chó, chuối, đậu nành, cam, kiwi, đào, khoai, táo, gelatin.

#### **\* Khối lượng**

Khi nhập khẩu và bán hàng thủy sản tươi sống và chế biến, nhà nhập khẩu phải ghi rõ khối lượng sản phẩm trên nhãn, theo quy định của Luật Đo lường. Sản phẩm phải được xác định khối lượng chính xác sao cho khối lượng thực của sản phẩm và con số ghi trên nhãn nằm trong mức dung sai cho phép.

#### **\* Hạn sử dụng**

Ngày hết hạn sử dụng của sản phẩm ở trạng thái còn đóng kín khi được bảo quản theo phương pháp đã ghi trên nhãn phải tuân theo Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, cũng như Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm. Hạn sử dụng được ghi theo hình thức ngày hết hạn hoặc là ngày mà việc sử dụng sản phẩm trước ngày đó là tốt nhất. Ghi nhãn theo ngày hết hạn được áp dụng cho thực phẩm có chất lượng suy giảm nhanh chóng trong vòng 5 ngày kể từ ngày sản xuất, trong khi đó ghi nhãn “sử dụng tốt nhất trước ngày...” được áp dụng cho thực phẩm có chất lượng không bị suy giảm nhanh chóng.

#### **\* Phương thức bảo quản**

Phương thức bảo quản nhằm duy trì hương vị của sản phẩm ở trạng thái còn đóng gói kín cho đến hạn “sử dụng tốt nhất trước ngày...” phải được ghi trên nhãn theo quy định của luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, và Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm. Các thực phẩm mà ghi hạn sử dụng dưới hình thức ngày hết hạn phải được đánh dấu “bảo quản dưới 10 độ C” trong khi các thực phẩm “sử dụng tốt nhất trước ngày...” cần phải được đánh dấu “tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp ở nhiệt độ phòng”,... Tuy nhiên, phương thức bảo quản có thể không cần ghi trên nhãn đối với những thực phẩm có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng.

**\* Nhãn xuất xứ**

Các tiêu chuẩn ghi nhãn chất lượng cho thủy sản chế biến, theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, yêu cầu tên nước xuất xứ (hoặc có thể cung cấp thêm tên của vùng biển) phải được ghi rõ trên nhãn của thủy sản nhập khẩu. Luật này cũng quy định phải ghi nhãn xuất xứ cho thủy sản và các sản phẩm chế biến từ thủy sản được liệt kê dưới đây. Các thông tin về xuất xứ cần được ghi trong ngoặc đơn trong danh mục thành phần dinh dưỡng (nhằm chỉ rõ xuất xứ của mỗi loại thành phần) hoặc ghi tên nước xuất xứ trong một vị trí cụ thể trên nhãn.

**Các loại thủy sản tươi sống và chế biến phải ghi nhãn xuất xứ**

Tiêu chuẩn ghi nhãn	Thủy sản chế biến được áp dụng
Tiêu chuẩn ghi nhãn chất lượng cho thủy sản chế biến	Cá muối, rong biển
	Cá chế biến sẵn, rong biển (không bao gồm những sản phẩm nấu chín hoặc chế biến sẵn và sản phẩm đông lạnh)
	Cá nướng bề ngoài
	Hỗn hợp sản phẩm nông sản, thủy sản... tươi sống

*Nguồn: Bộ Nông Lâm Thủy sản*

**\* Chất lượng**

Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản quy định việc ghi nhãn chất lượng trong những trường hợp dưới đây:

- “Rã đông” cho những sản phẩm thủy sản đông lạnh đã được rã đông.
- “Nuôi trồng” cho những sản phẩm thủy sản được nuôi trồng.

**\* Nhà nhập khẩu**

Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu phải được ghi rõ trên nhãn theo quy định của Luật Tiêu chuẩn hóa và Ghi nhãn phù hợp cho nông lâm sản, cũng như Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm. Đối với thủy sản được chế biến tại Nhật Bản có sử dụng nguyên liệu nhập khẩu, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hoặc người bán phải được ghi trên nhãn.

**\* Hàm lượng dinh dưỡng**

Hàm lượng dinh dưỡng và lượng calo phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm thủy sản theo tiêu chuẩn ghi nhãn dinh dưỡng theo quy định của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi. Thông tin bắt buộc bao gồm hàm lượng dinh dưỡng, cấu trúc dinh dưỡng (ví dụ: axit amin trong protein), và loại chất dinh dưỡng (ví dụ: các loại axit béo trong chất béo). Nếu chỉ ghi tên chung chung như “vitamin” thay vì mô tả cụ thể tên của các chất dinh dưỡng thì phải ghi nhãn thành phần.

Hàm lượng dinh dưỡng phải được ghi theo thứ tự và đơn vị sau đây:

- Calo (kcal hoặc kilocalo)
- Protein (g hoặc gram)
- Chất béo (g hoặc gram)
- Carbonhydrate (g hoặc gram)
- Muối khoáng
- Các loại chất dinh dưỡng khác được ghi trên nhãn

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi cũng quy định các tiêu chuẩn ghi nhãn đối với các chất dinh dưỡng khác và các thông tin cần ghi rõ.

Việc ghi nhãn cho các thực phẩm chức năng hoặc thực phẩm phục vụ các chế độ ăn uống đặc biệt phải tuân thủ các quy định tương ứng và phải được kiểm tra để phê duyệt.

**\* Nhãn giúp phân loại rác trên bao bì**

Luật Khuyến khích sử dụng hiệu quả tài nguyên yêu cầu phải ghi nhãn khuyến khích việc sắp xếp phân loại đồ đựng và bao bì cụ thể. Sản phẩm nhập khẩu có đặc điểm dưới đây phải ghi nhãn phân loại đồ đựng và bao bì theo quy định của luật:

- Khi có các chỉ dẫn hành chính đối với nguyên liệu và cấu trúc của đồ đựng và bao bì.

- Khi đồ đựng và bao bì của sản phẩm nhập khẩu được in, ghi nhãn hoặc chạm khắc bằng tiếng Nhật.

### Nhãn phân loại rác trên bao bì



Đồ đựng và bao bì bằng nhựa



Đồ đựng và bao bì bằng giấy

#### \* Mô tả sản phẩm

Các mô tả về sản phẩm với diễn giải sai lệch hoặc gây hiểu nhầm đều bị cấm theo quy định của Luật Bảo vệ sức khỏe, Luật Chống lại việc đánh giá cao, sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm, và các luật và quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (ví dụ: Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh, Luật Thương hiệu). Các luật này được áp dụng không chỉ đối với sản phẩm thủy sản mà cho tất cả các sản phẩm.

#### Quy định mới của Nhật Bản về việc khai báo xuất khẩu

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đã gửi Công văn số 1562/QLCL-CL1 tới các cơ sở chế biến thủy sản khai thác xuất khẩu vào Nhật Bản và các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng để hướng dẫn việc khai báo thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản.

Trên cơ sở kết quả trao đổi thông tin và ý kiến trả lời của Cơ quan thẩm quyền Nhật Bản liên quan đến thực hiện cơ chế chứng nhận khai thác của Nhật Bản (JCDS) đối với lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản được chế biến từ 04 loài: Mực ống và mực nang (Squid anh Cuttle fish), cá Thu đao (Pacific saury, Cololabis spp.), Cá Thu (Mackerel, Scomber spp) và cá Trích (Sardine, Sardinops spp) xuất khẩu vào Nhật Bản từ ngày 01/12/2022, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản cung cấp thông tin tới các doanh nghiệp, các Trung tâm vùng như sau:

#### \* Cơ chế chứng nhận khai thác của Nhật Bản (JCDS)

Phạm vi áp dụng của cơ chế JCDS: các lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản chế biến từ nguyên liệu thuộc 04 loài nêu trên và được khai thác sau ngày 1/12/2022. Do vậy, chỉ các lô hàng thủy sản chế biến từ nguyên liệu được khai thác trong nước/nhập khẩu sau thời điểm này sẽ phải kèm theo Giấy chứng nhận khai thác (Catch

Certificate) hoặc Xác nhận cam kết (Processing Statement) khi xuất khẩu vào Nhật Bản sau khi ngày 01/12/2022.

Hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo lô hàng để chứng minh nguyên liệu được khai thác trước ngày 01/12/2022: (i) Đối với nguyên liệu khai thác trong nước: Hồ sơ, chứng từ mua bán nguyên liệu khai thác, trong trường hợp này, không yêu cầu chứng nhận bởi cơ quan thẩm quyền của quốc gia mang cò. (ii) Đối với nguyên liệu khai thác nhập khẩu: Hồ sơ chỉ ra nguyên liệu được khai thác trước ngày 01/12/2022 được gửi kèm lô hàng xuất khẩu mà không xem xét đến việc nguyên liệu đó được chế biến trước hoặc sau ngày 01/12/2022. Các trường hợp này, xác nhận cam kết (Processing Statement) không yêu cầu.

Riêng đối với lô hàng được chế biến từ nguyên liệu nhập khẩu, trong đó bao gồm cả nguyên liệu khai thác trước và nguyên liệu khai thác sau ngày 01/12/2022, lô hàng khi xuất khẩu vào Nhật Bản phải kèm theo xác nhận cam kết cho phần nguyên liệu được khai thác sau ngày 01/12/2022.

Nhằm tổ chức thực hiện quy định IUU của Nhật Bản và tránh những vướng mắc phát sinh sau thời điểm Cơ chế chứng nhận khai thác của Nhật Bản (JCDS) có hiệu lực, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đề nghị như sau:

**\* Đối với cơ sở chế biến thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản**

- Khi có nhu cầu xác nhận cho lô hàng thủy sản chế biến từ nguyên liệu nhập khẩu được khai thác sau ngày 01/12/2022 thuộc 04 loài nêu trên để xuất khẩu vào Nhật Bản, lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư 21/2018/TT-BNNPTNT gửi về Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng thuộc Cục trên địa bàn để được thực hiện xác nhận.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền để gửi kèm theo lô hàng chế biến từ nguyên liệu được khai thác trước thời điểm Cơ chế chứng nhận khai thác của Nhật Bản (JCDS) có hiệu lực.
- Tạo mối liên hệ thường xuyên, chặt chẽ với nhà nhập khẩu Nhật Bản để cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định, thủ tục có liên quan trong thực hiện IUU của Cơ quan thẩm quyền Nhật Bản trong chế biến, xuất khẩu sản phẩm từ 04 loài thủy sản nêu trên vào thị trường này.

- Nhật Bản hiện đang thừa nhận và áp dụng cơ chế tương đương về quy định IUU của Liên minh Châu Âu, do vậy Cục đề nghị các doanh nghiệp:

+ Nghiên cứu quy định của Việt Nam, Nhật Bản để ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ của doanh nghiệp nhằm kiểm soát IUU trong toàn bộ quá trình chuỗi (khai thác, thu mua, vận chuyển, tiếp nhận, chế biến, bảo quản, xuất khẩu) và đảm bảo thông tin khả năng truy xuất nguồn gốc.

+ Về phân công thực hiện quy định nội bộ IUU: Các cán bộ chuyên trách tại các bộ phận có liên quan đến thực hiện kiểm soát IUU phải có kiến thức hiểu biết và nắm vững quy định của pháp luật, của doanh nghiệp, kỹ năng thực hành thực tế với nhiệm vụ được giao.

Do yêu cầu truy xuất nguồn gốc thủy sản đáp ứng IUU đòi hỏi xuyên suốt toàn chuỗi, các doanh nghiệp xem xét giao bộ phận đảm bảo chất lượng để liên kết với các bộ phận khác của doanh nghiệp (thu mua, kho bảo quản thành phẩm, nguyên liệu, bộ phận xuất, nhập khẩu...), tránh tình trạng đứt gãy thông tin, dữ liệu gây khó khăn cho việc thực hiện yêu cầu truy xuất trên hồ sơ và thực tế sản xuất.

+ Về hồ sơ thực hiện quy định IUU: đối với nguyên liệu trong nước từ khai thác (Biên bản bốc dỡ tại cảng, xác nhận nguyên liệu, chứng nhận sản phẩm); đối với nguyên liệu nhập khẩu mua từ tàu khai thác/tàu trung chuyển/tàu đóng container nhập khẩu (hồ sơ nhập khẩu; biên bản kiểm tra của cơ quan nhà nước, các chứng nhận/xác nhận cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu, các thông tin về tàu khai thác, cơ sở chế biến nhằm phục vụ cho việc kiểm soát nguyên liệu đáp ứng IUU trước khi nhập khẩu...).

+ Tính toán và công bố đầy đủ các định mức sản xuất tương ứng với các sản phẩm thủy sản khai thác được sản xuất tại doanh nghiệp để dễ dàng theo dõi, thực hiện quản lý.

+ Xây dựng thủ tục và tổ chức theo dõi trừ lùi/cán trừ và có đối chiếu dữ liệu theo dõi với thực tế sản xuất cho: nguyên liệu đưa vào sản xuất, nguyên liệu còn lại, thành phẩm đã xuất khẩu, chưa xuất khẩu; lượng bán thành phẩm lỗi, phụ phẩm ăn được, phụ phẩm chuyển mục đích sử dụng khác nhằm minh bạch khả năng truy xuất nguồn gốc trong toàn chuỗi thực hiện quy định IUU, đảm bảo chống lẫn lộn giữa các lô nguyên liệu đưa vào sản xuất, giữa lô nguyên liệu đáp ứng quy định IUU và chưa đáp ứng đầy đủ quy định IUU.



**\* Các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng**

Phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản vào thị trường Nhật Bản trên địa bàn về các yêu cầu khai báo thủy sản khai thác xuất khẩu và mẫu xác nhận cam kết nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu theo yêu cầu thị trường Nhật Bản; Hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy định IUU (khi có đề nghị).

Đồng thời, thực hiện thẩm định hồ sơ truy xuất nguồn gốc, xác nhận cam kết nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu theo yêu cầu thị trường Nhật Bản theo đúng quy định, hướng dẫn của Cục và cập nhật kết quả lên hệ thống Onedrive của Cục theo đúng thủ tục đã ban hành. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị kịp thời báo cáo về Cục các khó khăn, vướng mắc (nếu có) để được hướng dẫn xử lý.

**\* Một số chỉ dẫn khai báo thông tin trong Giấy xác nhận cam kết nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu theo yêu cầu thị trường Nhật Bản**

- *Thông tin trong Giấy xác nhận cam kết (Processing Statement):*

+ Mẫu giấy: đã được gửi kèm theo công văn số 1147/QLCL-CL1 ngày 7/9/2022 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản về việc khai báo thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản.

+ Giấy xác nhận đánh số để quản lý và truy xuất như sau:

XX-----/AA/XN-JP: XX: tương ứng với YA, YB, YC, YD, YE, YK mã của Trung tâm vùng cấp xác nhận; -----: Số thứ tự của Giấy xác nhận theo năm; AA: 02 số của năm xác nhận; XN-JP: sử dụng chung cho các Giấy xác nhận xuất khẩu vào Nhật Bản của Cục.

+ Catch description (Mô tả khai thác): Mô tả tên các loài của thủy sản được khai thác hoặc mô tả đặc tính có liên quan như: tên loại, vùng khai thác, thời gian khai thác....

+ Total landed weight (Tổng trọng lượng cập cảng) (kg): Khối lượng tổng theo Giấy chứng nhận khai thác hoặc khối lượng thực tế được nhập khẩu của nguyên liệu.

+ Catch Processed (fishery products) - Sản lượng chế biến (các sản phẩm thủy sản) (kg): là khối lượng nguyên liệu nhập khẩu (nguyên liệu thô hoặc bán thành phẩm) được đưa vào chế biến.

- *Một số thông tin lưu ý:*

+ Tên khoa học cụ thể của loài mực ống, mực nang: tất cả các loài thuộc bộ Decapodiformes thuộc đối tượng quy định của Cơ chế chứng nhận khai thác của Nhật Bản (JCDS).

+ Hàng hóa thuộc đối tượng quy định của JCDS theo mã HS của Hải quan Nhật Bản (được dịch từ tài liệu hướng dẫn thực hiện JCDS phiên bản 2.0 ngày 17/6/2022 của Cơ quan thẩm quyền Nhật Bản).

Trong số các mặt hàng được phân loại theo thống kê từng mã số trong Biểu thuế Hải quan của Nhật Bản (ngày 1 tháng 1 năm 2021) được tại Bảng đây, những mặt hàng bao gồm Mực ống và mực nang, cá thu đao Thái Bình Dương (*Cololabis spp.*), Cá thu (*Scomber spp.*) và cá chích (*Sardinops spp.*) phải tuân thủ quy định của Cơ chế chứng nhận khai thác của Nhật Bản (JCDS).

Đối với các số mã HS được đánh dấu màu xanh lá cây, nếu thủy sản được chế biến ở nước thứ ba, tài liệu (ví dụ như xác nhận cam kết) cho biết các sản phẩm chế biến đã được chế biến ở nước thứ ba đó và được cơ quan có thẩm quyền của chính phủ xác nhận,... của nước thứ ba sẽ được nộp cùng với giấy chứng nhận khai thác.

Để biết thêm chi tiết về Biểu thuế quan của Nhật Bản: Các cơ sở chế biến thủy sản khai thác xuất khẩu vào Nhật Bản và các Trung tâm chất lượng nông lâm thủy sản vùng tham khảo trang web của Hải quan Nhật Bản: <https://www.customs.go.jp/english/tariff/index.htm>.

### 3. Những yêu cầu then chốt tại thị trường EU

Pháp luật về Vệ sinh Thực phẩm là công cụ của EU để đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng châu Âu. Các luật và quy định nhằm đảm bảo rằng thực phẩm “sản xuất trong nước” cũng như thực phẩm nhập khẩu đều phải tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh tối thiểu của EU.

Một số quy định chính liên quan đến vệ sinh thực phẩm, bao gồm thủy sản của EU:

- Luật thực phẩm chung (EC) 178/2002 (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02002R0178-20210526>) quy định các nền tảng pháp lý cho vấn đề an toàn thực phẩm của EU, là văn bản khung quy định tất cả các nguyên tắc chung, bao gồm cả nguyên tắc phòng ngừa, các yêu cầu và thủ tục liên quan đến an toàn thực phẩm, và quản lý khủng hoảng;

- Quy định (EC) 852/2004 (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02004R0852-20210324>) về vệ sinh thực phẩm, bao gồm các yêu cầu chung và yêu cầu kỹ thuật đối với sản xuất, bao gồm Phân tích môi nguy về các điểm kiểm soát tới hạn (HACCP);
- Quy định (EC) 853/2004 (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02004R0853-20211028>) về các quy tắc vệ sinh cụ thể đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật. Quy định này đã được sửa đổi bởi Quy định (EC) 1662/2006. Bản sửa đổi cuối cùng sửa đổi các điều kiện xuất khẩu bột cá vào EU;
- Chỉ thị của Hội đồng 2004/41/EC (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/ALL/?uri=celex:32004L0041>) liên quan đến điều kiện vệ sinh thực phẩm và sức khỏe cho việc sản xuất và các sản phẩm động vật trên thị trường dành cho người;
- Quy định (EU) 2016/429 (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02016R0429-20210421>) về bệnh động vật truyền nhiễm và sửa đổi, bãi bỏ một số hành vi trong lĩnh vực thú y ('Luật thú y');
- Quy định (EU) 2017/625 (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=celex%3A32017R0625>) về các biện pháp kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện để đảm bảo áp dụng luật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các quy tắc về sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật, sửa đổi Quy định (EC) 999/2001, (EC) 396/2005, (EC) 1069/2009, (EC) 1107/2009, (EU) 1151/2012, (EU) 2016/429, (EU) 2016/2031, (EC) 1/2005, (EC) 1099/2009, và Chỉ thị của Hội đồng 98/58/EC, 1999/74/EC, 2007/43/EC, 2008/119/EC, 2008/120/EC, và bãi bỏ Quy định (EC) 854/2004, (EC) 882/2004, Chỉ thị 89/608/EEC, 89/662/EEC, 90/425/EEC, 91/496/EEC, 96/23/EC, 96/93/EC, 97/78/EC, 92/438/EEC;
- Quy định (EU) 2019/624 ([EUR-Lex - 32019R0624 - EN - EUR-Lex \(europa.eu\)](https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02019R0624)) liên quan đến các quy tắc cụ thể để thực hiện các kiểm soát chính thức đối với sản xuất thịt và các khu vực sản xuất và chuyển tiếp động vật thân mềm hai mảnh vỏ sống theo Quy định (EU) 2017/625;

- Quy định (EU) 2019/625 ([EUR-Lex - 02019R0625-20210428](#) - EN - [EUR-Lex \(europa.eu\)](#)) bổ sung Quy định (EU) 2017/625 về các yêu cầu nhập cảnh vào EU đối với một số lô hàng động vật và hàng hóa dùng cho người;
- Quy định (EU) 2019/627 (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02019R0627-20211014>) về các thỏa thuận thực tế thống nhất để thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng cho người theo Quy định (EU) 2017/625 và sửa đổi Quy định của Ủy ban (EC) số 2074/2005 liên quan đến các kiểm soát chính thức;
- Quy định (EU) 2020/2235 (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02020R2235-20220202>) đưa ra các quy tắc áp dụng Quy định (EU) 2016/429 và (EU) 2017/625 liên quan đến mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật, mẫu chứng thư đối với lô hàng một số loại động vật và hàng hóa và bãi bỏ Quy định (EC) 599/2004, (EU) 636/2014 và (EU) 2019/628, Chỉ thị 98/68/EC, 2000/572/ EC, 2003/779/ EC và 2007/240/EC;
- Quy định (EU) 2021/405 (<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02021R0405-20220114>) đưa ra danh sách các quốc gia hoặc khu vực thứ ba được phép nhập khẩu vào EU một số động vật và hàng hóa dành cho người theo Quy định (EU) 2017/625.

### **Một số quy định mới của EU liên quan đến nhập khẩu từ năm 2022**

Từ đầu năm 2023 đến nay, EU đã có một số quy định mới liên quan đến hoạt động nhập khẩu. Phần lớn trong số này là các quy định liên quan đến nông, lâm, thủy sản:

- Quy định mới của EU về dư lượng arsen, hoạt chất isoxaben, novaluron và tetraconazole áp dụng trên nông sản, thực phẩm:

Ngày 03/3/2023, Ủy ban Châu Âu ban hành Quy định (EU) 2023/466 sửa đổi Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và của Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất isoxaben, novaluron và tetraconazole trong hoặc trên một nông sản thực phẩm bao gồm các nhóm rau, củ, quả tươi và đông lạnh; nhóm các loại hạt, điều cà phê, chè, nhóm sản phẩm gia vị, ngũ cốc, hạt có dầu và sản phẩm động vật trên cạn thịt các loại, trứng sữa, mật ong... Mức MRL các hoạt chất trên các loại sản phẩm khác nhau từ 0,01 mg/kg.

Tuy nhiên, EU cũng đưa ra mức quy định dư lượng MRL của một trong các hoạt chất trên từ 0,05 mg/kg, 0,07 thậm chí 1,5 mg/kg trong các nhóm sản phẩm như rau, củ rau gia vị, thịt và nội tạng động vật. Năm 2023, EU tập trung sửa đổi rất nhiều các quy định MRL tại Quy định (EC) số 396/2005. Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày 26/9/2023.

Cùng ngày 03/3/2023, Ủy ban Châu Âu ban EU cũng ban hành Quy định mới số (EU) 2023/465 sửa đổi Quy định (EC) số 1881/2006 liên quan đến mức MRL Asen tối đa trong một số loại thực phẩm. Cụ thể Quy định Mức dư lượng Asen đối với gạo, các sản phẩm chế biến từ gạo, thực phẩm dinh dưỡng trẻ em, nước hoa quả, sản phẩm hoa quả cô đặc, muối. Ngưỡng MRL Ascen dao động từ 0,01 đến 0,15 mg/kg sản phẩm. Quy định này áp dụng trực tiếp trên tất cả các thành viên EU và có hiệu lực từ ngày 26/3/2023.

- EU thay đổi mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật dưới nước nhập khẩu vào EU:

Ngày 8/3/2023, Ủy ban Châu Âu ban hành Quy định (EU) 2023/516 sửa đổi Phụ lục II Quy định (EU) 2020/2236 về mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu vào EU đối với các lô hàng động vật thủy sinh phục vụ nuôi trồng thủy sản, thả phóng sinh vào tự nhiên hoặc phục vụ cho các mục đích khác, không bao gồm phục vụ cho mục đích tiêu dùng trực tiếp của con người. Chi tiết Mẫu chứng giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu quy định tại Phụ lục II Quy định (EU) 2020/2236 và Quy định này có hiệu lực ngay sau khi đăng công báo EU áp dụng trực tiếp đối tại các thành viên EU.

Tuy nhiên, Quy định 2023/516 cũng quy định thời gian chuyển tiếp áp dụng mẫu giấy chứng nhận cũ đối với các lô hàng động vật thủy sinh nhập khẩu vào EU phục vụ nuôi trồng thủy sản, thả phóng sinh vào tự nhiên hoặc phục vụ cho các mục đích khác, không bao gồm phục vụ cho tiêu dùng trực tiếp của con người cho đến ngày 15/9/2023.

Bên cạnh đó, các văn bản hướng dẫn về mẫu chứng thư của EU số 2020/2235, hay 2021/608 đều yêu cầu rằng với các chứng thư gồm nhiều trang thì các trang cần được đánh số liên tục, trên mỗi trang có mã đặc định của chứng thư, dấu của cơ quan có thẩm quyền và chữ ký của người xác nhận. Đề nghị các cơ quan và doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý quy định bổ sung này.

- Quy định mới của EU về các biện pháp khẩn cấp và tạm thời kiểm soát an toàn thực phẩm:  
Ngày 07/6/2023, EU đã đăng công báo Quy định (EU) 2023/1110 ký ngày 06/6/2023 sửa đổi Quy định 2019/1973 về các biện pháp khẩn cấp kiểm soát thực phẩm xuất khẩu vào EU. Theo đó, EU đã chính thức đưa các loại mỳ ăn liền của Việt Nam từ Phụ lục II (kiểm soát bằng chứng thư an toàn thực phẩm và kiểm soát tại cửa khẩu) sang phụ lục I với tần suất kiểm tra tại Biên giới là 20%. Như vậy, kể từ ngày 27/6/2023, các mặt hàng mỳ ăn liền xuất khẩu từ Việt Nam sẽ không bị bắt buộc phải đi kèm giấy kiểm định an toàn thực phẩm do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Quy định có hiệu lực 20 ngày sau ngày đăng công báo.  
Cũng tại Quy định này, ớt chuông từ Việt Nam vẫn nằm trong phụ lục I với tần suất kiểm tra 50% tại cửa khẩu; Đậu bắp và thanh long vẫn nằm trong phụ lục II với tần suất kiểm tra tương ứng là 50% và 20%. Điều này có nghĩa là các mặt hàng nông nghiệp không có thay đổi so với quy định của 6 tháng trước.
- Quy định mới của EU đối với một số sản phẩm liên quan đến phá rừng và suy thoái rừng:  
Ngày 9/6/2023, EU đã đăng công báo Quy định (EU) 2023/1115 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về đưa vào lưu thông và xuất khẩu một số sản phẩm liên quan đến phá rừng và suy thoái rừng, thay thế quy định số 995/2000. Theo đó, các mặt hàng phải thực hiện nghĩa vụ giải trình gồm gia súc, ca cao, cà phê, cọ và dầu cọ, cao su, đồ tương, gỗ. Quy định này có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày đăng công báo.
- Quy định mới về Chứng thư xuất khẩu sang EU:  
Để đảm bảo hoạt động xuất khẩu diễn ra thuận lợi, DG SANTE khuyến cáo sử dụng nền tảng TRACES (<https://webgate.ec.europa.eu/tracesnt/ecas-login>) cho các chứng thư về vệ sinh và kiểm dịch thực vật của động vật, thực vật đối với các sản phẩm được xuất khẩu sang EU.  
Đối với các quốc gia không sử dụng TRACES, doanh nghiệp cần đảm bảo cung cấp chứng thư gốc kèm với các lô hàng trong phương tiện vận chuyển. Trong trường hợp chứng thư gốc không thể gửi kèm lô hàng, Ủy ban Sức khỏe và An toàn thực phẩm của EU sẽ đề xuất với các Trạm kiểm soát biên giới tại EU chấp nhận các bản sao giấy chứng thư đáp ứng các điều kiện sau:

\* Bản scan giấy chứng thư gốc được gửi bằng email, từ hòm thư thuộc cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương của nước sở tại đến hòm thư của Trạm kiểm soát biên giới tại EU của điểm nhập cảnh tại EU, được cung cấp tại các trang web sau:

(1) Đối với động vật và sản phẩm động vật:

[https://ec.europa.eu/food/animals/vet-border-control/bip-contacts\\_en](https://ec.europa.eu/food/animals/vet-border-control/bip-contacts_en)

(2) Đối với thực phẩm và thức ăn có nguồn gốc phi động vật:

[https://ec.europa.eu/food/safe/official\\_controls/legislation/imports/non-animal\\_en](https://ec.europa.eu/food/safe/official_controls/legislation/imports/non-animal_en)

(3) Đối với cây trồng và sản phẩm thực vật:

[https://ec.europa.eu/food/safe/official\\_controls/legislation/imports/plants\\_en](https://ec.europa.eu/food/safe/official_controls/legislation/imports/plants_en)

\* Giấy chứng thư gốc được gửi đến Trạm kiểm soát biên giới tại EU sớm nhất có thể về mặt kỹ thuật, khi các hạn chế được đề cập ở trên đã được xem xét hoặc dỡ bỏ đáng kể.

- EU chính thức cấm sử dụng Ethoxyquin từ tháng 8/2022.

#### **4. Những yêu cầu then chốt tại thị trường Trung Quốc**

Theo Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Giám sát Chất lượng, Kiểm tra và Kiểm dịch Trung Quốc-AQSIQ (nay là Tổng cục Hải quan Trung Quốc), thủy sản xuất khẩu vào Trung Quốc phải đáp ứng một số yêu cầu như: Thủy sản phải được sản xuất tại cơ sở sơ chế, chế biến nằm trong danh sách được phép xuất khẩu thủy sản vào Trung Quốc.

Riêng đối với cơ sở thu gom, bao gói tôm sú, tôm thẻ chân trắng sống cần đảm bảo nguồn tôm sống được thu gom từ các cơ sở nuôi có tên trong danh sách được cơ quan thẩm quyền Trung Quốc cho phép xuất khẩu vào Trung Quốc. Bên cạnh đó, bao gói, ghi nhãn đủ thông tin để truy xuất nguồn gốc kèm theo chứng thư an toàn thực phẩm do cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp.

Về một số quy định nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản cho biết từ cuối năm 2018, Trung Quốc đã chuyển mạnh sang hướng nhập khẩu chính ngạch hàng thủy sản Việt Nam.

Do đó, phía Trung Quốc yêu cầu thủy sản xuất khẩu sang nước này (kể cả tiểu ngạch và chính ngạch) được thực hiện theo các Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

Theo đó, lô hàng thủy sản nhập khẩu vào Trung Quốc phải được sản xuất bởi doanh nghiệp trong danh sách được phép xuất khẩu vào Trung Quốc (hiện nay có 680 cơ sở, cập nhật mới nhất ngày 24/01/2019), có bao bì thông tin ghi nhãn mác xuất xứ rõ ràng và kèm theo chứng thư do cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn đang tiếp tục đề nghị Tổng cục Hải quan Trung Quốc cập nhật bổ sung trên 60 doanh nghiệp/cơ sở đủ điều kiện xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc.

Về danh mục sản phẩm được phép xuất khẩu chính ngạch, theo danh mục trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, hiện có 128 loài/dạng sản phẩm thủy sản Việt Nam được phép xuất khẩu vào Trung Quốc.

Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản cho biết thêm, thời gian qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã liên tục có văn bản gửi phía Trung Quốc đề nghị xem xét, bổ sung một số loài như: Nghêu, cua biển, tôm hùm, ghẹ; bổ sung một số dạng sản phẩm như tôm thẻ, tôm sú ướp đá... cũng như đề nghị được hướng dẫn để hoàn thiện các thủ tục đăng ký để bổ sung các sản phẩm mới như cá rô phi, cá hồi, cá cò, cá thu... vào danh mục được phép xuất khẩu vào Trung Quốc.

Yêu cầu của người tiêu dùng Trung Quốc đối với sản phẩm ngày càng cao, đặc biệt phải là mặt hàng có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp đáp ứng yêu cầu truy xuất nguồn gốc.

Hải quan Trung Quốc sẽ tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu. Do đó, doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm nhà xưởng; thiết lập hệ thống ghi chép hồ sơ đảm bảo truy xuất nguồn gốc để đáp ứng kiểm tra trước và sau khi đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc.

### **Tiêu chuẩn về bao bì, nhãn mác**

Quy định về bao bì, nhãn mác cũng là yếu tố quan trọng trong quy định nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc. Cụ thể, bao bì được đóng gói chắc chắn, đồng nhất 1 loại, 1 màu, cùng kích thước. Chủng loại bao bì đối với từng loại hàng hóa thông thường hiện nay được cơ quan chức năng Trung Quốc hướng dẫn như sau:



- Hàng thủy sản ướp đá (ướp lạnh): Thùng xốp, được phép quấn băng dính để gia cố đảm bảo chắc chắn nhưng không được dán che nhãn mác; vị trí in nhãn mác trên nắp hoặc thành thùng đều được nhưng phải thống nhất 1 vị trí, in ngay ngắn, chữ không được nhòe, dễ đọc; phải in trước khi đóng gói sản phẩm.
- Đối với hàng đông lạnh, bao bì là thùng carton, sản phẩm được đóng gói bằng nilon trước khi cho vào thùng.
- Đối với hàng tươi sống, phải đựng trong khay nhựa (cua) và thùng xốp (đối với tôm hùm) hoặc vật liệu khác để phù hợp với điều kiện sống của hàng thủy sản.
- Về nhãn in trên bao bì phải thống nhất tại một vị trí đối với một loại hàng hóa và phải được in trước khi đóng gói hàng hóa.
- Nhãn mác từng loại hàng hóa phải thể hiện đầy đủ tên khoa học, tên thường gọi và các thông số khác theo quy định, in trên thành và nắp đều được; riêng thông số ngày sản xuất và số lô được phép đóng dấu sau khi in cho phù hợp với ngày sản xuất và số lô của lô hàng nhưng phải rõ nét, không được nhòe mờ; phần số đóng dấu phải cùng kích cỡ về chữ theo nhãn, đóng dấu ngay ngắn; tuyệt đối không được dán nhãn mác dưới mọi hình thức; nhãn mác phải in ngay ngắn, chữ không được nhòe, dễ đọc; phải in trước khi đóng gói sản phẩm.
- Đối với hàng tươi sống phải bảo quản, đựng trong khay nhựa phải in nhãn chìm trên tấm nhựa của khay (nắp hoặc thành đều được).
- Yêu cầu về ghi nhãn, bao bì bên trong và bên ngoài phải có gắn nhãn chắc chắn, rõ ràng, dễ đọc; thông tin thể hiện bằng tiếng Trung/tiếng Anh hoặc tiếng Trung/tiếng Việt, bao gồm các thông tin: Tên hàng hóa và tên khoa học; quy cách sản phẩm; ngày sản xuất, số lô, hạn sử dụng và điều kiện bảo quản; phương thức sản xuất (đánh bắt, nuôi trồng); khu vực sản xuất (vùng/quốc gia nuôi/đánh bắt); tên, số đăng ký, địa chỉ của tất cả các doanh nghiệp sản xuất, chế biến có liên quan (bao gồm tàu cá, tàu chế biến, tàu vận chuyển, kho lạnh độc lập) và điểm đến phải ghi là Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Về chất lượng và một số chỉ tiêu sinh hóa, doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc cần lưu ý các chỉ tiêu sinh hóa, chất lượng được thực hiện theo chứng thư

kiểm dịch được cấp. Tuy nhiên, khi thông quan, Hải quan Trung Quốc sẽ thực hiện kiểm dịch hậu kiểm các lô hàng.

Trong trường hợp vi phạm các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, các chỉ tiêu sinh hóa, phía Trung Quốc sẽ gửi thông báo để doanh nghiệp có sản phẩm phải khắc phục. Nếu những lô hàng tiếp theo bị vi phạm sẽ bị đưa vào luồng đỏ hoặc bị đình chỉ xuất khẩu.

Tổng cục Hải quan Trung Quốc vừa ban hành quy định về quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm của nước ngoài xuất khẩu vào Trung Quốc (Lệnh số 248) và quy định kiểm soát an toàn thực phẩm xuất nhập khẩu (Lệnh số 249). Theo đó, một số nội dung quy định mới của 2 Lệnh trên gồm quy định về ghi nhãn, bao bì; điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất; chỉ tiêu, mức giới hạn an toàn thực phẩm; quy định về kiểm soát thực phẩm thủy sản nhập khẩu và quy định các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm xuất khẩu phải thực hiện đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc từ sau ngày 01/01/2022; đối với các cơ sở đã có tên trong danh sách được phép xuất khẩu thủy sản thì tiếp tục được phép xuất khẩu sang Trung Quốc trong thời gian tới (kể cả sau ngày 01/01/2022).

Theo Lệnh 248, toàn bộ doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc đều phải đăng ký với Hải quan Trung Quốc. Trong đó, nhóm 1 gồm 18 nhóm mặt hàng phải đăng ký thông qua các cơ quan quản lý Nhà nước. Nhóm 2 là thực phẩm ngoài 18 mặt hàng thuộc nhóm 1 đăng ký trực tiếp với Hải quan Trung Quốc thông qua website <https://singlewindow.cn/>

Tại Lệnh 249, Hải quan Trung Quốc yêu cầu đánh giá sự phù hợp, đưa ra nguyên tắc quản lý nhập khẩu với thực phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia; đưa ra nguyên tắc quản lý nhập khẩu với thực phẩm sử dụng nguyên liệu mới; thay đổi về yêu cầu ghi nhãn; cơ sở sản xuất phải tự chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm với thực phẩm mình sản xuất; lần đầu tiên chính thức chấp nhận phương án đánh giá trực tuyến...

Theo đó, toàn bộ doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc đều phải đăng ký với Hải quan Trung Quốc và cơ quan này cũng yêu cầu các mặt hàng thực phẩm, trong đó có nông sản, nhập khẩu vào nước này sẽ phải đáp ứng quy định mới về đăng ký, kiểm tra và dán nhãn.

Đối với điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, phải đáp ứng các quy định nêu tại các Quy chuẩn Việt Nam về điều kiện bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản. Đặc biệt, phải đáp ứng các quy định của Trung Quốc về (1) Quy phạm vệ sinh chung trong sản xuất thực phẩm tại (GB 14881); (2) Quy phạm vệ sinh sản xuất chế phẩm thủy sản (GB 20941); (3) Tiêu chuẩn vệ sinh cho nước uống sinh hoạt (GB 5749) và (4) Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát quan trọng (HACCP), yêu cầu chung đối với các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm (GB/T 27341).

Quy định về chỉ tiêu, mức giới hạn an toàn thực phẩm đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu được quy định tại Quyết định 2864/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/11/2011 và 1471/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/6/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, đặc biệt lưu ý các tiêu chuẩn, quy định sau đây của Trung Quốc: (1) Giới hạn ô nhiễm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia trong thực phẩm (GB 2762); (2) Tiêu chuẩn an toàn lương thực quốc gia giới hạn dư lượng tối đa cho thuốc trừ sâu trong thực phẩm (GB 2763); (3) Tiêu chuẩn giới hạn nồng độ các chất phóng xạ trong thực phẩm (GB 14882); (4) Tiêu chuẩn sử dụng phụ gia thực phẩm an toàn thực phẩm quốc gia (GB 2760); (5) Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia sản phẩm động vật thủy (GB 10136); (6) Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia sản phẩm thủy sản tươi và đông lạnh (GB 2733); (7) Giới hạn về vi sinh vật trong thực phẩm (GB 29921); (8) Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia về mức dư lượng tối đa đối với thuốc thú y trong thực phẩm (GB 31650); (9) Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia sản phẩm đóng hộp (GB 14939) và (10) Thông báo số 193 của Bộ Nông nghiệp Trung Quốc về danh mục thuốc thú y cấm sử dụng cho động vật dùng làm thực phẩm.

Quy định về kiểm soát thực phẩm thủy sản nhập khẩu. Trung Quốc thực hiện kiểm tra tại chỗ đối với thực phẩm nhập khẩu (phương tiện vận chuyển và nơi bảo quản, số container, số niêm phong, nội dung ghi nhãn trên bao bì bên trong và bên ngoài, tình trạng thực tế của lô hàng có phù hợp với thông tin khai báo và chứng từ kèm theo hay không, đặc tính cảm quan của sản phẩm, độ tươi của thực phẩm, nhiệt độ sản phẩm); tỉ lệ và chỉ tiêu lấy mẫu cụ thể do Cơ quan hải quan Trung Quốc lập kế hoạch giám sát đối với từng đối tượng cụ thể của từng quốc gia dựa trên đánh giá nguy cơ. Trường hợp phát hiện thực phẩm nhập khẩu không đáp ứng quy định trong quá trình giám sát

và quản lý nhập khẩu, Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ dựa trên đánh giá nguy cơ để thực hiện các biện pháp kiểm soát như tăng tỷ lệ giám sát, kiểm tra ngẫu nhiên đối với thực phẩm liên quan.

Để đáp ứng các quy định của thị trường xuất khẩu, tránh rủi ro thì các cơ sở, doanh nghiệp đang có tên trong danh sách xuất khẩu hoặc chưa có tên trong danh sách xuất khẩu có nhu cầu đăng ký xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc cần nghiên cứu kỹ quy định, hướng dẫn có liên quan. Chủ động trao đổi với nhà nhập khẩu Trung Quốc để tuân thủ đúng các quy định trong quá trình sản xuất, xuất khẩu thủy sản.

Như vậy, giao dịch hàng hóa, nông sản vào thị trường đông dân nhất thế giới đang có rất nhiều tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe, không còn “dễ tính” như trước. Đặc biệt, cánh cửa xuất khẩu tiêu ngạch qua đường biên mậu sẽ khép lại, các doanh nghiệp phải xây dựng tiêu chuẩn, thay đổi cách thức sản xuất để đáp ứng các yêu cầu mới có thể tiếp tục xuất khẩu ổn định sang thị trường này.

#### **Các nguồn tham khảo:**

<https://tongcucthuysan.gov.vn>

<https://vasep.com.vn/>

<https://www.trademap.org>

<https://kinhtevadubao.vn/buc-tranh-kinh-te-the-gioi-nam-2022-va-trien-vong-nam-2023-25100.html>

<https://trungtamwto.vn/file/22356/bao-cao-xuat-nhap-khau-viet-nam-nam-2022.pdf>

<https://tapchinganhang.gov.vn/giam-toc-kinh-te-the-gioi-va-nhan-to-tac-dong.htm>

<https://thitruongtaichinhviente.vn/diem-lai-mot-so-net-chinh-cua-kinh-te-the-gioi-nam-2022-va-trien-vong-nam-2023-43989.html>

<https://tapchicongthuong.vn>

<https://moit.gov.vn>

<https://thoibaotaichinhvietnam.vn>